

CỎ THƠM

CHỦ NHIỆM

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

PHÓ CHỦ NHIỆM NỘI VỤ

PHAN KHÂM

PHÓ CHỦ NHIỆM NGOẠI VỤ

PHAN ANH DŨNG

ĐỒNG CHỦ BÚT

PHẠM VĂN TUẤN

TRẦN BÍCH SAN

NGÔ TĂNG GIAO

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

TỔNG THƯ KÝ

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÁ

THỦY SENSER

www.cothommagazine.com

TRÌNH BÀY

DZUNG SENSER

TÒA SOẠN

11623 CHAPEL CROSS WAY

RESTON, VA 20194, USA

TEL. (703) 471-1271

FAX (703) 471-1196

Email: dsenser@yahoo.com

BAN BIÊN TẬP

HỒ TRƯỜNG AN. Ý ANH. VIỆT BÀNG.
HẢI BÀNG H.D.B. NGUYỄN NGỌC BÍCH.

ĐỖ BÌNH. ĐÌNH CƯỜNG.

HOÀNG DUNG. PHAN ANH DŨNG.

VŨ THÁI HÒA. VŨ HỐI. PHAN KHÂM.

VI KHUÊ. HUY LÂM. NGUYỄN LÂN.

PHẠM TRỌNG LỆ. NGUYỄN PHÚ LONG.

VŨ NAM. CAO MỸ NHÂN.

PHẠM THỊ NHUNG. ĐẶNG NGUYỄN.

NGUYỄN VĂN SƠN. ĐIỀU TẦN.

NGUYỄN VĂN THÀNH. HỒNG THỦY.

LÊ THƯƠNG. TRƯƠNG ANH THỤY.

BÙI THANH TIÊN. THANH TRANG.

TẠ QUANG TRUNG. KIM VŨ.

ĐẠI DIỆN

TRẦN BÍCH SAN: New Orleans, LA

VŨ MẠNH PHÁT: San Jose, CA

HẢI BÀNG HDB: Chandler, AZ

VĂN T. KIỀU ANH: Minneapolis, MN

VƯƠNG ÁNH HẰNG: W. Seneca, NY

LAM ĐIỀN NGUYỄN THỦ: Charlotte, NC.

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ NAM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



THÁNG 06, NĂM 2010

MỤC LỤC

	Trang		
VĂN			
NGUYỄN THI NGỌC DUNG:	6	NGUYỄN VĂN NHIỆM :	Phụ Nữ Việt 135
Lá Thư Gọi Hè		MINH CHÂU :	Lời Cuối Gửi Mẹ 146
PHẠM THỊNH HUNG :	17	Lời Cuối Cho Ba	147
Cửa Người Phụ Nữ Việt Nam Xưa...		VÂN KHANH:	Những Ngày 149
NGUYỄN THÙY :	20	Trong Bệnh Viện	
MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH :	23	NGUYỄN ĐIỂM LAN:	150
Lịch Sử và Thắng Cảnh Hồ Hoàn Kiếm		Les Jours à L'hôpital	
PHẠM VĂN TUẤN :	35	PHẠM XUÂN THÁI:	Lớp học Accent 153
NGUYỄN PHÚ LONG:	44	Reduction	
Năm Canh Lục Đục		NGUYỄN MÂY THU:	Trưởng cũ Bạn Xưa 159
VIỆT BẰNG :	48	THU LÊ :	«Cho» và «Nhận»
Cho Người Mai Sau		NGUYỄN THỊ XUÂN NGA :	New York 162
HỒ TRƯỜNG AN :	50	Sate và Pennsylvania	
Học Giả Trần Bích San		BẠCH CÚC.NTN :	Tìm Nguồn Vui Lành 166
LÊ MỘNG NGUYỄN :	54	LÊ VĂN KHOA:	Tại Sao Tôi Cho Ra Đời 169
VŨ NAM :	58	CD «Memories »?	
THANH NGUYỄN :	64	NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG	175
PHẠM ĐÌNH LIÊN :	70	Phố Phường Xưa Hà Nội	
NGUYỄN VĂN THÀNH :	74	THƠ	
Phiên Tòa Xét Xử Marie Antoinette		NGÔ TĂNG GIAO :	Thơ Chu Văn An 8
HOÀNG DUNG :	81	TRƯƠNG ANH THỤY :	
Christmas Gift in the Summer		Gọi Hồn Giữa Thăng Long	31
HẢI BẰNG HDB :	84	NGUYỄN NGỌC BICH :	Summons 32
PHẠM THAO NGUYỄN:	96	To The Souls in Thang Long Ha Noi	
Con của Thăng Long Xưa		TRÙNG QUANG:	Vần Thơ Tưởng Niệm 43
TÔN NỮ MẶC GIAO :	100	Quốc Tổ Hùng Vương	
của Bé Thùy		ĐẶNG NGUYỄN:	Đường Chiều. 43
NGUYỄN QUÝ ĐẠI :	111	NGUYỄN PHÚ LONG:	48 Em
DIỆU TÂN:	118	Đi... Tháng Tư	
Tuyệt Vời		Ý ANH :	Thèm 61
KIM VŨ :	119	ĐỖ THỊ MINH GIANG :	Hòai Vọng 63
PHƯƠNG DU NGUYỄN BÁ HẬU	128	Ý ANH :	Tiền 66
Ca Trù và Hát Nói		VI KHUÊ :	Bên Dòng Potomac 68

TAM ANH CHU : On the Bank of the Potomac	68
YÊN VI : Giao Mùa	82
ĐỔ BÌNH : Chờ Nhau	83
CAO MỸ NHÂN : Chào 70	94
ĐOÀN CHINH NAM : Đứa Con Hoang Đàng	94
NGUYỄN PHÚ LONG : Thơ Gửi Bạn	94
HỒ CÔNG TÂM : Bảy Ba Tự Trào	94
YÊN VI : Love, Everything	95
HỒNG THỦY : Mộng Trưng Vương	103
BÙI THANH TIÊN: Nghe Rừng Lạc Lối	106
UYÊN PHƯƠNG MINH NGUYỆT: Tuổi Mười Sáu	106
VŨ HỐI & TUỆ NGA: Thư Họa Mẹ Hiền	107
PHẠM TRỌNG LÊ: Thần Người Giao Hoan When You Are Old	108
HỒ TRƯỜNG AN : Cho Em Mùa Hạ	110
PHAN KHÂM : Đường Cùng	117
THANH THANH (LXN) : Thư Tù	117
LÊ THƯƠNG : Nếu Biết Rằng	133
Em Đã Lấy Chồng	144
LAM ĐIỀN NGUYỄN THỬ : Tình Yêu Có Thật Không Em	145
VŨ HỐI : Thư Họa	151
YÊN VI : Giao Mùa	171
NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG Phượng Vần Nở Bên Trời Hà Nội	174
TUỆ NGA : Gợi Mùa Điểm Trang	181

NHẠC

ANH BẰNG & HOÀNG SONG LIÊM Lại Một Tháng Tư Đen	49
MINH SƠN & DUY ANH ĐÔNG : Ngập Ngừng Tình Em	73
NGUYỄN TẮT VỊNH & PHAN KHÂM Ai.	152
THANH TRANG : Tháng Đợi Năm Chờ	155

HÌNH ẢNH

TRƯỜNG ANH THỤY: Sen Hồng	1
MINH CHÂU : Chim Biển	173
PHẠM VĂN TUẤN & PHẠM BÁ VINH 15 Năm sinh Hoạt Văn Học Cổ Thơm	183

GIỚI THIỆU

HÀ NGUYỄN & ASSOCIATES	2
CD Thơ ngâm và Phổ nhạc của Nguyễn Phú Long	42
BÁC SĨ NGUYỄN KIM DUNG	69
NGÀY LONG TRỜI LỎ ĐẤT : Trần Thế Nhân.	95
SOVEIGN REALTY, INC.	134
BÁC SĨ NGUYỄN QUỐC QUÂN	143
BÁC SĨ VÕ ĐẠM	173
HARVEST MOON RESTAURANT	193
THƯ MỜI THAM GIA Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm	194
PHIẾU THAM GIA CỔ THƠM	195
DANH SÁCH MẠNH THƯỜNG QUÂN	196
PHIẾU MUA-GIA HẠN QUẢNG CÁO	197
TỦ SÁCH HỘI VIÊN CỔ THƠM	198
IVAN M. WALDMAN & ASSOCIATES	199

PHÂN ƯU

Cụ Bà Đặng Thị Xuân	148
Cụ Ông và Cụ Bà Trương Bảo Sơn	192



Lá Thư Mùa Hạ

Mùa Xuân vừa qua, cộng đồng Việt Nam vùng Hoa Thịnh Đốn có rất nhiều sinh hoạt như chưa từng thấy...

Thường mỗi năm chúng tôi tổ chức sinh nhật Cỏ Thơm vào đầu tháng 4 là thời gian hoa anh đào Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn nở đẹp nhất. Nhưng năm nay chúng tôi phải nhường ngày 3 tháng 4 cho quý bạn Chu Văn An tổ chức họp mặt. Một tuần trước đó là Đại Hội Air Việt Nam. Nhưng chúng tôi cũng chẳng tránh được Đại Hội Không Quân vào ngày 10 tháng 4, trước buổi họp mặt của Cỏ Thơm một ngày.

Tuy nhiên, dạ tiệc kỷ niệm sinh nhật thứ 15 của Cỏ Thơm 11 tháng 4 vẫn có 270 quan khách tham dự. Chúng tôi chỉ mời thân hữu và hội viên chứ không mời rộng rãi trong công chúng, vì không đủ nhân lực để lo tổ chức cho chu đáo. Đặc biệt trong dạ tiệc này có sự hiện diện của Nhà Thơ Minh Giang đến từ Louisiana.

Thành phần tổ chức vẫn là Chủ Nhiệm Nguyễn Thị Ngọc Dung, Phó Chủ Nhiệm Nội Vụ Phan Khâm, Phó Chủ Nhiệm Ngoại Vụ Phan Anh Dũng, Tổng Thư Ký Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, hội viên Nghệ Sĩ Thái Phượng, hội viên Nhạc Sĩ vĩ cầm Đàm Xuân Linh... Xin quý vị xem phần hình ảnh ở phần cuối Cỏ Thơm số 51 này.

Chương trình được bắt đầu đúng giờ với nghi lễ chào cờ, chào mừng và cảm tạ quan khách, dạ tiệc và các tiết mục ngâm thơ ca hát cùng dạ vũ như thường lệ. Trong phần chào

mừng quan khách, Chủ Nhiệm Cỏ Thơm đã tâm tình rằng: “Sở dĩ Tạp Chí Cỏ Thơm đã tồn tại được 15 năm là nhờ sự đóng góp của quý độc giả dài hạn, hội viên và tác giả, chứ không nhờ vào sự yểm trợ của một cơ quan nào. Cỏ Thơm chỉ có 6 mạnh thường quân cho quảng cáo. Cỏ Thơm hy vọng sẽ đứng vững và lâu bền hơn thời gian 17 năm của Tự Lực Văn Đoàn”.

Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm một lần nữa xin cảm tạ quý quan khách đã đến tham dự ngày sinh nhật thứ 15 với tấm lòng ưu ái. Xin cảm tạ các nghệ sĩ đã tham dự và trình diễn ủng hộ trong đó có Bạch Mai, Thái Ninh, Hoàng Cung Fa, Phạm Dương Hiển, Đèo Văn Sách, Ngọc Phụng, Kiều Nga, Sỹ Tuấn, Ngọc Châu, Hoài Thanh, Hoàng Anh, Phan Hiệp, Sỹ Thành, Đình Tiến. Tài năng của các bạn đã làm cho buổi dạ tiệc thêm phần linh động, hào hứng. Mong lại được gặp quý bạn tại sinh nhật thứ 16 cũng vào đầu mùa Xuân 2011, trên sân khấu Cỏ Thơm.

Sau những sinh hoạt kể trên, Ngọc Dung và một số thành viên cùng thân hữu Cỏ Thơm như Hồng Thủy, Kiều Thu, Trúc Mai, Phương Nga, Minh Trân, Lan Hương, Ngọc Tú, Hải Yến, Thúy Hiền lại đem một màn line dancing với nhạc của “Mưa Sài Gòn Mưa Hà Nội”, đi biểu diễn tại Đại Hội Trưng Vương Houston 17 tháng 4, 2010 cũng như chúng tôi cũng đã có một màn đồng ca *Khúc Hát Âm Tình* giúp vui Đại Hội Chu Văn An, Hoa Thịnh đốn 4/4/2010. Ngày 11 tháng 5, người Cỏ Thơm cũng lên Quốc Hội tham dự ngày

Nhân Quyền Cho Việt Nam. Người Cỏ Thơm không những có tâm hồn văn học, lại có tinh thần văn nghệ và nhân bản nữa, thưa quý vị.

Sinh hoạt văn học nghệ thuật là chuyện thường xuyên, nhưng ngày 30 tháng tư năm 2010 là năm thứ 35 chúng ta tưởng niệm ngày mất miền Nam, mất Sài Gòn, ngày bắt đầu những cuộc vượt biên hải hùng, những ngày đen tối nhất của người miền Nam dưới sự đàn áp, bóc lột, đày đọa tàn bạo của Cộng Sản miền Bắc. Những cuộc biểu tình phản đối quân cướp của giết người ấy sôi sục khắp các Cộng Đồng Việt Nam trên thế giới. Những đau thương, mất mát, không bao giờ quên được. Có một độc giả đến nhà tôi lấy 4 tập truyện đã đặt mua của tôi và kể rằng cậu ta có 7 anh em trai, được bố mẹ cho đi vượt biên 7 lần khác nhau. Bố mẹ đi lần thứ tám, thứ chín, nhưng may mắn tất cả đều thoát nạn. Cậu ta nói rằng vượt biên trên biển cả khủng khiếp lắm. Nếu biết trước, sẽ không ai dám mạo hiểm, phiêu lưu, cầm chắc cái chết trong tay như vậy.

Trên các báo chí, trên mạng lưới điện tử không biết bao nhiêu bài thơ, bài viết với đầy hình ảnh tố cáo tội ác của Cộng Sản Việt Nam đối với chính đồng bào mình. Quý vị nên tìm đọc *Ngày Long Trời, Đêm Lở Đất*, một cuốn tiểu thuyết dài của Trần Thế Nhân, một tác giả trong nước, viết về tội ác khủng khiếp của Cộng Sản mà tác giả là một chứng nhân trực tiếp. Xin cảm ơn Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ đã gửi tặng Cỏ Thơm một quyển sách giá trị. Mong rằng những thế hệ con cháu của Cộng Sản ra ngoài quốc học hỏi cái văn

minh Âu Mỹ và được tự do đọc những quyển sách tố cáo tội ác long trời lở đất của ông cha họ, để họ mở mắt, trùn tay không đối xử độc ác, man rợ với chính đồng bào của họ, và tìm cách xây dựng đất nước hùng cường, tiến bộ trong nhân quyền, nhân bản, bác ái của loài người.

Gần đây chúng tôi được tin Nhà Thơ Quỳnh Anh Phạm Thị Ánh Bích bị tai biến mạch máu não. Chị hiện giờ phải nằm dưỡng bệnh tại một Trung Tâm Phục Hồi. Chúng ta có hy vọng chị phục hồi, bởi vì chị đã cầm được tập thơ của chị vừa mới in xong và lật xem vài trang bằng tay trái. Chị chưa nói được nhưng đã cười với người thân vào thăm.

Một tin buồn nữa cho giới văn học, chí sĩ Trương Bảo Sơn và phu nhân vừa theo nhau qua đời ngày 23 tháng 5, 2010 tại Montréal, Canada. Tam Cá Nguyệt San Cỏ Thơm xin thành thật chia buồn cùng Nhà Thơ Trương Kim Anh, Nhà Thơ Dương Kiên và tang quyến. Cầu mong hương linh hai vị sớm phiêu diêu miền cực lạc.

Trong tháng năm vừa qua Thi Sĩ Nguyễn Đức Liêm đã cho ra mắt “Tuyển Tập Thơ Nguyễn Đức Liêm” trong một khung cảnh văn học khang trang với 200 thân hữu ngưỡng mộ. Xin có lời chúc mừng tác giả.

Sau hết, xin cảm tạ quý văn, thi, nghệ sĩ đã gửi bài viết, vẽ và hình ảnh chụp để hoàn thành một tập Cỏ Thơm giá trị mà quý độc giả nào cũng đều yêu mến, quý trọng.

Chúc toàn thể quý độc giả Cỏ Thơm một mùa hè mát mẻ, nhiều nghỉ ngơi thoải mái.

Nguyễn Thị Ngọc Dung

THƠ CHU VĂN AN

(朱文安)

Chu Văn An từng có những tác phẩm như Thất trăm số, Tiều Ân thi tập, Tiều Ân quốc ngữ thi tập, Tứ thư thuyết ước. Nhưng cho tới nay người ta mới chỉ sưu tầm được có mười hai bài thơ của ông chép trong Toàn Việt thi lục, còn hầu như bị thất lạc cả.

Trong cuốn Thơ Văn Lý Trần (nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978) có ghi lại nội dung 12 bài thơ này bằng chữ Hán kèm theo phần dịch âm, dịch nghĩa và dịch thơ.

Chúng tôi dựa vào cuốn sách trên, chỉ ghi lại nội dung 12 bài thơ bằng chữ Hán kèm theo phần dịch âm và dịch nghĩa (có sửa đổi chút ít khi tham khảo thêm các tài liệu khác), đồng thời đóng góp thêm “mười hai bản dịch thơ mới” như dưới đây.

NGŨ TẶNG GIAO (Xuân Canh Dần 2010)

1. LINH SƠN TẬP HỨNG

靈山雜興

萬疊青山簇畫屏，

斜陽淡抹半溪明。

翠蘿徑裏無人到，

山鵲啼煙時一聲。

DỊCH ÂM:

Vạn điệp thanh sơn thốc họa bình,
Tà dương đậm nhạt bán Khê minh.
Thúy la kính lý vô nhân đáo,
Sơn thước đề yên thời nhất thanh.

DỊCH NGHĨA:

"Tập hứng ở Linh Sơn". Muôn lớp núi xanh tụ lại như bức bình phong vẽ. Bóng chiều nhạt rọi tới sáng nửa lòng khe. Trong lối cỏ

biếc, không người đến. Thỉnh thoảng một tiếng chim thước kêu trong khói mù.

DỊCH THƠ:

TẬP HỨNG Ở LINH SƠN

Núi xanh giăng lớp tựa bình phong
Chiều nhạt in hình dưới suối trong
Cỏ biếc, lối mòn đâu bóng khách,
Vẳng chim thước gọi, khói mông lung.

2. THÔN NAM SƠN TIỂU KHÉ

村南山小憩

閑身南北片雲輕，

半枕清風世外情。

佛界清幽塵界遠，

庭前噴血一鶯鳴。

DỊCH ÂM:

Nhàn thân nam bắc phiến vân kinh,
Bán chằm thanh phong thể ngoại tình.
Phật giới thanh u, trần giới viễn,
Đình tiền phún huyết nhất oanh minh.

DỊCH NGHĨA:

"Tạm nghỉ ở núi thôn nam". Thân nhàn như
đám mây nhẹ bay khắp nam, bắc. Gió mát
thổi bên gối, tâm tình dễ ngoài cuộc đời.
Cõi Phật thanh u, cõi trần xa vời. Trước
sân, hoa đỏ như máu, một chiếc oanh kêu.

DỊCH THƠ:

TẠM NGHỈ NÚI THÔN NAM

*Thân nhàn Nam Bắc áng mây trôi,
Bên gối gió qua, nhẹ việc đời.
Cõi Phật thanh u, xa cõi tục
Trước sân hoa đỏ, tiếng oanh vui.*

3. THANH LƯƠNG GIANG

清涼江

山腰一抹夕陽橫，

兩兩漁舟畔岸行。

獨立清涼江上望，

寒風颯颯嫩潮生。

DỊCH ÂM:

Sơn yêu nhất mặt tịch dương hoành,
Lưỡng lưỡng ngư chu bìa ngạn hành.
Độc lập Thanh Lương giang thượng vọng,
Hàn phong tấp tấp nộn triều sinh.

DỊCH NGHĨA:

"Sông Thanh Lương". Một vệt bóng chiều
vắt ngang sườn núi. Dọc theo bờ sông,
thuyền câu đi từng đôi một. Đứng một mình
trên sông Thanh Lương ngắm cảnh. Gió
lạnh vi vút, nước triều dâng lên.

DỊCH THƠ:

SÔNG THANH LƯƠNG

*Sườn non giải nắng xế giăng ngang,
Từng cặp thuyền xuôi mái nhẹ nhàng.
Trên bến Thanh Lương người một bóng,
Ngắm triều dâng sóng, gió thổi thang.*

**4. CUNG HỌA NGỰ CHẾ
ĐỘNG CHƯƠNG**

恭和御制洞章

庭舞胎禽雲掩關，

露華嚙罷覺清寬。

碧桃華下渾無事，

時倩東風掃石壇。

DỊCH ÂM:

Đình vũ thai cảm vân yểm quan,
Lộ hoa yển bãi giác thanh khoan.
Bích đào hoa hạ hồn vô sự,
Thời thiên đông phong tảo thạch đàn.

DỊCH NGHĨA:

"Kính họa thơ vua". Hạc múa ở sân, mây
che ngoài cửa. Nuốt hoa sương rồi cảm
thấy khoan khoái nhẹ nhàng. Dưới hoa
bích đào lòng thanh thản. Thịnh thoảng
mượn ngọn gió đông quét trên đàn đá.

DỊCH THƠ:
KÍNH HỌA THƠ VUA

*Trước sân hạc múa, mây bên sông
Nhấp cạn hoa sương, sáng khoái lòng
Ngồi dưới bích đào, hồn tự tại
Quét đàn đá mượn gió phượng đông.*

**5. NGUYỆT TỊCH BỘ
TIÊN DU SƠN TÙNG KÍNH**

月夕步仙遊山松徑
緩緩步松堤，
孤村淡靄迷。
潮回江笛迴，
天闊樹雲低。
宿鳥翻清露，
寒魚躍碧溪。
吹笙何處去，
寂寞故山西。

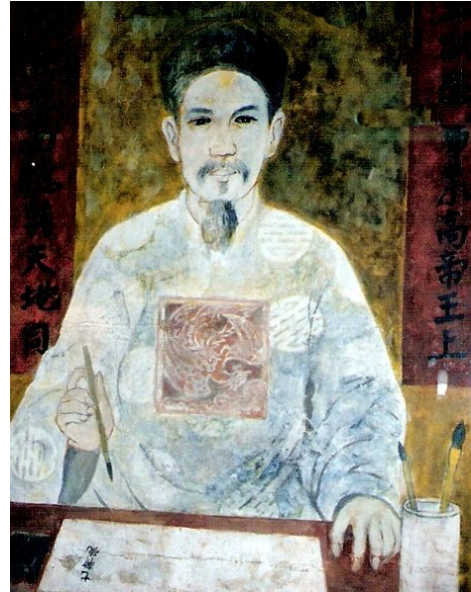
DỊCH ÂM:
Hoãn hoãn bộ tùng đề,
Cô thôn đạm ái mê.
Triều hồi, giang địch quỳnh,
Thiên khoáng, thụ vân đề.
Túc điều phiên thanh lộ,
Hàn ngư dục bích khê.
Xuy sinh hà xứ khứ,
Tịch tịch cố sơn tê (tây)?

DỊCH NGHĨA:

"Đêm trăng dạo bước trên đường thông ở núi Tiên Du". Thong thả dạo bước trên con đê trồng thông. Xóm vắng mờ trong làn khói nhạt. Nước triều xuống, tiếng sáo bên sông xa vắng. Trời rộng, mây là là ngọn cây. Chim đêm cựa mình trong làn sương trong. Cá lạnh nhảy trong khe biếc. Người thổi sênh đi nơi đâu. Phía tây núi cũ vắng vẻ?

DỊCH THƠ
ĐÊM TRĂNG DẠO CHƠI
ĐƯỜNG THÔNG NÚI TIÊN DU

*Dạo chơi thông mát bờ đê,
Mờ trong khói nhạt làng quê bình bồng.
Triều lui, sáo vắng bên sông,
Trời cao bát ngát, mây lồng ngọn thông.
Chim xao xác dưới sương trong,
Vẩy vung cá lội biếc dòng suối sâu.
Người thổi sênh vắng nơi đâu,
Phía Tây núi cũ dang sâu quạnh hiu?*



Hình chụp tranh Chu Văn An trên miếu thờ tại Hà Nội.

6. XUÂN ĐÁN

春旦

寂寞山家鎮日閒，
竹扉斜擁護輕寒。
碧迷草色天如醉，
紅濕花梢露未乾。
身與孤雲長戀岫，
心同古井不生瀾。
柏薰半冷茶煙歇，
溪鳥一聲春夢殘。

DỊCH ÂM:

Tịch tịch sơn gia trấn nhật nhàn.
Trúc phi tà ủng hộ khinh hàn
Bích mê thảo sắc thiên như túy,
Hồng thấp hoa sao lộ vị can.
Thân dữ cô vân trường luyến tụ,
Tâm đồng cổ tỉnh bất sinh lan.
Bách huân bán lãnh trà yên yết,
Khê điều nhất thanh xuân mộng tàn.

DỊCH NGHĨA:

"Sáng mùa xuân". Nhà trên núi vắng vẻ, suốt ngày thanh thoi. Cửa扉 nghiêng che tiết lạnh sang. Màu biếc át cả sắc cỏ, trời như say. Ánh hồng thấm nhánh hoa sương sớm chưa khô. Thân ta cùng đám mây cô đơn mãi mãi lưu luyến hốc

núi. Lòng giống như mặt giếng cổ, chẳng hề gợn sóng. Mùi khói thông sắp hết, khói trà đã tắt. Một tiếng chim bên suối làm tỉnh mộng xuân.

DỊCH THƠ:

SÁNG MÙA XUÂN

Nhà trên núi vắng cảnh an nhàn
Phên cửa nghiêng che tiết lạnh sang
Cỏ biếc trời cao say chất ngất,
Hoa hồng sương sớm đượm miên man.
Thân như mây lẻ vương non thẳm
Lòng tựa giếng xưa lạnh sóng vàng
Hương gỗ thông tan, trà cạn khói,
Chim bên suối hót mộng xuân tàn

7. SƠ HẠ

初夏

山宇寥寥晝夢回，
微涼一線起庭梅。
燕尋故壘相將去，
蟬咽新聲陸續來。
點水溪蓮無俗態，
出籬野筍不凡材。
棲梧靜極還成懶，
案上殘書風自開。

DỊCH ÂM:

Sơn vũ liêu liêu trú mộng hồi,
 Vi lương nhất tuyến khởi đình mai.
 Yén tầm cố lũy tương tương khứ,
 Thiên yết tân thanh lục tục lai.
 Điểm thủy kê liên vô tục thái
 Xuất lý dã duẩn bất phàm tài.
 Thê ngô tĩnh cực hoàn thành lãn,
 Ân thượng tàn thư phong tự khai.

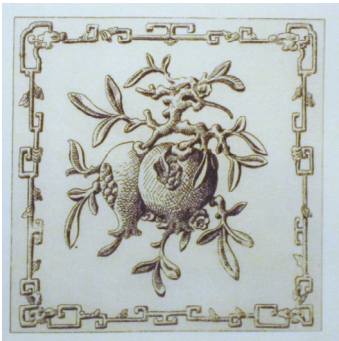
DỊCH NGHĨA:

"Đầu mùa hè". Nhà trên núi vắng vẻ, vừa tỉnh giấc mộng ban ngày. Một làn gió mát nhẹ thổi vào cây mai trước sân. Chim én rủ nhau đi tìm tổ cũ. Ve sầu cất tiếng đầu mùa, lục tục bay về. Sen dưới khe điểm trên mặt nước không bợn chút phàm tục. Măng đồng nội trời ra khỏi dậu, chẳng phải khí chất tầm thường. Tựa cây ngô đồng, ngòi im lặng mãi trở thành lười biếng. Cuốn sách nát để trên án, gió tự giờ ra.)

DỊCH THƠ:

ĐẦU MÙA HÈ

*Chợt tỉnh giấc ngày nhà núi cao,
 Trước sân mai rờn gió lao xao.
 Én tìm tổ cũ gom đàn tới
 Ve kiếm nơi xưa cất tiếng chào.
 Dưới suối sen phô, hình thoát tục,
 Ngoài rào măng vượt, dáng thanh tao.
 Tựa ngô đồng nghĩ thành lười biếng
 Trên án sách xưa đón gió vào.*



8. VỌNG THÁI LĂNG

望 泰 陵

松 秋 深 鎖 日 將 夕 ，
 煙 草 如 苔 迷 亂 石 。
 黯 淡 千 山 風 更 愁 ，
 消 沉 萬 古 雲 無 跡 。
 溪 花 欲 落 雨 絲 絲 ，
 野 鳥 不 歸 山 寂 寂 。
 幾 度 躊 躇 行 復 行 ，
 平 蕪 無 盡 春 生 碧 。

DỊCH ÂM:

Tùng thu thâm tỏa nhật tương tịch.
 Yên thảo như đài mê loạn thạch.
 Âm đạm thiên sơn phong cánh sầu,
 Tiêu trầm vạn cổ vân vô tích.
 Khê hoa dục lạc vũ ti ti,
 Dã điều bất đề sơn tịch tịch.
 Kỳ độ trừ trừ hành phục hành,
 Bình vu vô tận xuân sinh bích.

DỊCH NGHĨA:

"Trông về Thái Lăng". Cây tùng cây thu khoá kín trời sắp về chiều. cỏ non xanh rợn, như rêu che lấp những hòn đá ngả

ngiêng. Ngàn non âm đậm, gió thổi càng thêm buồn. Muôn thuở tiêu tan, mây không để lại dấu vết. Hoa bên suối sắp rụng, mưa lất phất. Chim ngoài đồng nội im tiếng, núi quạnh hiu. Mấy lần dửng dăng, đi rồi lại đi. Cỏ rậm bát ngát, sắc xuân xanh biếc.

DỊCH THƠ:
TRÔNG VỀ THÁI LĂNG

*Thấp thoáng từng thu bóng xế chiều,
Cỏ non phủ đá biếc màu rêu.
Gió vờn non thắm thêm buồn bã,
Mây lảng trời xa để tịch liêu.
Bên suối hoa tàn mưa lất phất,
Ngoài đồng chim lặng núi điêu hiu.
Ngập ngừng mấy độ dòi chân bước,
Xanh ngát cỏ xuân, sắc diễm kiêu.*

9. GIANG ĐÌNH TÁC

江亭作

江亭獨立數歸舟，
風急灘前一笛秋。
斜日吟殘紅淡淡，
暮天望斷碧悠悠。
功名已落荒唐夢，
湖海聊為汗漫遊。
自去自來渾不管，
滄波萬頃羨飛鷗。

DỊCH ÂM:

Giang đình độc lập số quy chu,
Phong cấp than tiền nhất dịch thu.
Tà nhật ngâm tàn hồng đậm đậm,
Mộ thiên vọng đoạn bích du du.
Công danh dĩ lạc hoang đường mộng,
Hồ hải liêu vi hãn mạn du.
Tự khứ tự lai hồn bất quản,
Thương ba vạn khoảnh tiện phi âu.

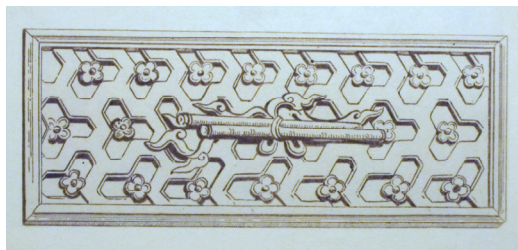
DỊCH NGHĨA:

"Làm thơ ở Giang Đình". Đứng một mình ở Giang Đình đếm thuyền về. Trước ghềnh, gió gập, một tiếng sáo gọi cảnh thu. Thơ đã tàn, mặt trời xế bóng, ánh hồng nhạt nhạt. Trông suốt trời chiều, màu biếc mênh mông. Công danh đã rơi vào giấc mộng hoang đường. Tạm dạo chơi lang thang miền hồ hải. Đi lại tự mình, chẳng gì trói buộc. Thèm cảnh chim âu bay liệng trên muôn khoảnh sóng xanh.

DỊCH THƠ:

LÀM THƠ Ở GIANG ĐÌNH

*Giang Đình một bóng đếm thuyền qua,
Gió lộng ghềnh thu sáo thiết tha.
Nắng xế, thơ tàn, hồng phớt nhạt,
Trời chiều, cảnh vắng, biếc chan hòa.
Công danh chót lạc vùng mơ ảo
Hồ biển tạm chơi thú nẻo xa
Đầy đó lang thang dòi tự tại,
Ước như chim lướt sóng bao la.*



10. MIẾT TRÌ

鰲池

水月橋邊弄夕暉，
荷花荷葉靜相依。
魚游古沼龍何在，
雲滿空山鶴不歸。
老桂隨風香石路，
嫩苔著水沒松扉。
才心殊未如灰土，
聞說先皇淚暗揮。

DỊCH ÂM:

Thủy nguyệt kiều biên lộng tịch huy,
Hà hoa hà diệp tĩnh tương y,
Ngư du cổ chiểu long hà tại?
Vân mãn không sơn hạc bất quy!
Lão quế tùy phong hương thạch lộ,
Nộn đài trước thủy một tùng phi.
Thốn tâm thù vị như hôi thổ,
Văn thuyết tiên hoàng lệ ám huy.

DỊCH NGHĨA:

"Miết Trì". Trắng nước bên cầu dựa giỡn bóng chiều hôm. Hoa sen, lá sen, yên lặng tựa nhau. Cá bơi ao cổ, rồng ở chốn nào? Mây đầy núi vắng, hạc chẳng thấy về! Mùi quế già bay theo gió làm thơm ngát con đường đá. Rêu non dẫm nước che lấp cánh cửa thông. Tác lòng này vẫn chưa

nguội lạnh như tro đất. Nghe nói đến Tiên hoàng luống gặt thăm giọt lệ.

DỊCH THƠ:

MIẾT TRÌ

Trắng nước cầu bên giỡn bóng tà,
Trong hồ sen lặng, lá kề hoa,
Ao xưa cá lội, rồng đâu thấy?
Núi vắng mây giăng, hạc chẳng qua!
Đường đá gió thơm mùi quế thoảng,
Cửa thông nước dẫm lớp rêu pha.
Lòng đâu đã nguội như tro đất,
Nghe đến tiên hoàng lệ muốn sa.

11. THỦ VẬN TẶNG THỦY VÂN ĐẠO NHÂN

次韻贈水雲道人

平生膽氣鶚橫秋，
翰墨場中一戰收。
茅屋玉堂皆有命，
濁涇清渭不同流。
老逢昭代知何補，
身落窮山笑拙謀。
檢點年年貧活計，
茶甌詩卷伴湯休。

DỊCH ÂM:

Bình sinh đảm khí ngọc hoành thu,
 Hàn mặc trường trung nhất chiến thu.
 Mao ốc ngọc đường giai hữu mệnh,
 Trọc Kinh thanh Vị bất đồng lưu.
 Lão phùng chiêu đại tri hà bổ,
 Thân lạc cùng sơn tiểu chuyết mưu.
 Kiểm điểm niên niên bản hoạt kế,
 Trà âu, thi quyên bạn Thang Hưu.

DỊCH NGHĨA:

“Họa vắn tặng Thủy vân đạo nhân”: Chí khí
 dũng cảm thưở bình sinh như chim ngọc
 bay ngang trời thu, trong trường bút mực,
 chỉ một trận là được. Nhà tranh hay nhà
 ngọc, đều có số mệnh, sông Kinh đục,
 sông Vị trong, vốn không chảy cùng dòng.
 Già gặp thời sáng sửa, biết chẳng ích gì,
 thân rơi vào núi thẳm, cười mình mưu
 vụng. Hàng năm kiểm điểm lại cái sinh kế
 nghèo, vẫn âu trà, cuốn thơ, làm bạn với
 Thang Hưu.

DỊCH THƠ:

HỌA VẮN TẶNG THỦY VÂN ĐẠO NHÂN

*Sánh với chim trời chí cũng đồng
 Bút nghiên dễ thắng, quả vô song
 Nhà giàu nhà khó đều theo số
 Sông đục sông trong vốn khác dòng
 Già gặp thời xuôi nào hữu ích
 Thân rơi núi thẳm há tinh thông
 Hàng năm kiểm điểm nghèo sinh kế
 Trà với bạn thơ cứ thả lòng.*



12. ĐỀ DƯƠNG CÔNG THỦY HOA ĐÌNH

題揚公水華亭

上人遠公裔，
 朗悟有高識。
 屢結白社盟，
 為愛青蓮色。
 方塘貯碧漪，
 環以芙蕖植。
 上構水華亭，
 意與蓮比德。
 好風時一來，
 滿座聞芳馥。
 隱幾觀眾妙，
 悠然心自得。
 不知清淨身，
 已在荷華側。
 明月相友朋，
 閒雲同偃息。
 渴傾珠露飲，
 飢摘玉房食。
 回頭謝世紛，
 逍遙遊八極。

DỊCH ÂM:

Thượng nhân Viễn công duệ,
Lãng ngộ hữu cao thức.
Lũ kết bạch xã minh,
Vị ái thanh liên sắc.
Phương đờng trử bích y,
Hoàn dĩ phù cừ thực.
Thượng cầu thủy hoa đình,
Ý dữ liên tỹ đức.
Hảo phong thời nhất lai,
Mẫn tọa văn phương phức.
Ẩn kỹ quan chúng diệu,
Du nhiên tâm tự đắc.
Bất tri thanh tĩnh thân,
Dĩ tại hà hoa trắc.
Minh nguyệt tương hữu bằng,
Nhân văn đồng yển tức.
Khát khuynh châu lộ ẩm,
Cơ trích ngọc phòng thực.
Hồi đầu tạ thể phân,
Tiêu dao du bát cức.

DỊCH NGHĨA:

ĐỀ ĐÌNH THỦY HOA CỦA DƯƠNG CÔNG “Đề đình Thủy Hoa của Dương Công”:

Thượng nhân là giòng dõi của Viễn công, hiểu biết một cách sáng suốt, có kiến thức cao. Luôn kết lời mình ước ở Bạch Xã, vì yêu sắc sen xanh. Ao vuông chứa đựng nước trong biếc, xung quanh trồng toàn sen. Trên ao dựng ngôi đình Thủy Hoa, ý chừng muốn sánh đức với sen. Gió mát thường xuyên thổi tới, làm thơm ngát khắp ngôi đình. Tựa bên ghé để quan sát mọi điều huyền diệu, lâng lâng cảm thấy thoải mái trong lòng. Chẳng biết tấm thân thanh tịnh, đã ở bên cạnh đoá hoa sen. Trắng sáng cùng làm bạn với mình, mây nhàn cùng ta nghỉ ngơi. Khát thì nghiêng rót những hạt sương châu để uống, đói thì lấy những chùm quả bằng ngọc mà ăn.

Ngoảnh lại quên hết mọi rắc rối ở đời, để nhõn như vui chơi tám cõi.

DỊCH THƠ:

ĐỀ ĐÌNH THỦY HOA CỦA DƯƠNG CÔNG

*Thượng nhân dòng dõi Viễn Công,
Vừa cao trí thức, vừa thông thể tình.
Lại luôn bạch xã kết minh,
Vì yêu sắc đoá sen xanh đẹp màu.
Ao vuông nước biếc dạt dào
Sen vây bốn phía cảnh sao êm đềm.
Thủy Hoa đình xây phía trên
Ý rằng sánh đức cùng sen khác nào.
Thường xuyên gió mát thổi vào
Ngôi đình thơm ngát cảnh sao diễm kiều.
Ngồi xem huyền diệu mọi điều
Trong lòng cảm thấy phiêu diêu dâng đầy.
Tấm thân thanh tịnh nào hay
Vị chung cạnh đoá sen này bấy lâu.
Bạn cùng trắng sáng cạnh thanh
Nghĩ cùng mây khắp trời cao tĩnh nhàn.
Khát thời uống hạt sương tan,
Đói thời quả ngọc hái ăn tứ thời.
Ngoái trông gác mọi chuyện đời
Nhõn như tám cõi vui chơi thoả lòng.*



Tài liệu tham khảo:

- 1) Thơ Văn Lý Trần (nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1978)
- 2) Tự Điển Bách Khoa Toàn Thư Việt Nam
- 3) Thivien.net
- 4) Wikisource.org
- 5) VietSciences.org

NÉT ĐẸP CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA QUA CA DAO

GS Phạm Thị Nhung

KỶ III

BỐN PHẦN CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM XƯA TRONG GIA ĐÌNH

. Bốn phần đối với gia đình nhà chồng.

Sau đêm tân hôn ân ái mặn nồng, chàng trai biết mình phải làm gì :
*Dạy con từ thuở còn thơ
Dạy vợ từ thuở bơ vợ mới về.*

Chàng rất mực khôn khéo, chàng hiểu rõ tâm lý đàn bà :
*Chim khôn chết mệt vì mồi
Người khôn chết mệt vì lời nhỏ to.*

Chàng đã nhỏ to với cô vợ mới cưới những gì ?
*Mẹ già khó lắm em ơi!
Nhịn ăn nhịn mặc nhịn lời mẹ cha
Nhịn cho nên cửa nên nhà
Nên kèo nên cột nên xà tâm vòng.
Nhịn cho nên vợ nên chồng
Thì em coi sóc lấy trong cửa nhà.
Và :
Liệu mà thờ kính mẹ cha
Đùng tiếng nặng nhẹ người ta chê cười.*

Được vuốt ve tự ái, được khích lệ bởi tình yêu thương, người thiếu phụ nhất định sẽ đủ sức chịu đựng mà vượt qua mọi khó khăn trong cảnh làm dâu, thực hiện được trọn vẹn bốn phần của người đàn bà, “Có chồng phải gánh giang san nhà chồng”. Ngoài bốn phần thay chồng phụng dưỡng cha mẹ chồng :

*Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi
Giã gạo cho trắng mà nuôi mẹ già.
Mẹ già là mẹ già anh
Em vô bảo dưỡng cả canh cho thường.*

Nàng còn phải có ý tứ, giữ gìn từng lời ăn tiếng nói với mọi người xung quanh :
*Làm dâu khổ lắm ai ơi
Vui chẳng dám cười, buồn chẳng dám than.*

Phải thức khuya dậy sớm coi sóc việc nhà:
*Năm canh thì ngủ lấy ba
Hai canh coi sóc cửa nhà làm ăn.*

Nếu may mắn gặp được cha mẹ chồng là người hiền đức, biết điều, thấy nàng dâu đảm đang, nét na thì cũng yêu vì :
*Hoa thơm ai chẳng muốn đeo
Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.*

Và :
*Hoa thơm ai chẳng nâng niu
Người khôn ai chẳng mến yêu mọi bề.*

Hơn thế, nàng còn được cả họ hàng nhà chồng quý mến :
*Hạt lúa vàng, hạt thóc cũng vàng
Anh yêu em, bác mẹ họ hàng cũng yêu.*

Thì nàng sẽ được sống những ngày êm đềm, hạnh phúc trong gia đình nhà chồng. Trong trường hợp này, ta sẽ không ngạc nhiên khi thấy nàng dâu đã tìm thấy ở người mẹ chồng hiền đức bao dung đó, một hương vị ngọt ngào đậm đà của tình mẫu tử :
*Mẹ già như chuối ba hương
Như com nếp một như đường mía lau.*

Chăm sóc hầu hạ cha mẹ chồng, nàng lại
chạnh nghĩ đến cha mẹ mình:
*Vắng nghe chim vịt kêu chiều
Bâng khuâng nhớ mẹ chín chiều ruột đau.
Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều.*

Nhiều khi nhớ quá, nàng chẳng thiết ăn
uống:
*Gió đưa cây cứu lý hương
Từ xa cha mẹ thất thường bữa ăn.
Sầu riêng cơm chẳng muốn ăn
Đã bưng lấy bát lại dần xuống mâm.*

Từ ngày lấy chồng xa xứ, có muốn thăm hỏi cha
mẹ cũng rất khó khăn. Nàng thương cha mẹ nàng đã
không được hưởng cái hạnh phúc có con gái lấy
chồng gần:
*Có con mà gả chồng gần
Có bát canh cần nó cũng đem cho.
Hay :
Có con mà gả chồng gần
Nửa đêm đốt đuốc đem phần cho cha.*

Đề tỏ lòng báo đáp trong muôn một, mỗi khi
nghe tin ai sắp về quê mẹ, nàng vội vàng gửi gắm
chút quà với tất cả tấm lòng hiếu kính, xót xa:
*Ai về tôi gửi buồng cau
Buồng trước kính mẹ, buồng sau kính thầy.
Ai về tôi gửi đôi giấy
Phòng khi mưa nắng để thầy mẹ đi.*

. Bồn phận đối với con, thiên chức làm mẹ.

Ngoài bồn phận đối với gia đình nhà chồng,
người phụ nữ còn có bồn phận đối với con, nói
khác đi, là bồn phận làm mẹ, một thiên chức
thiên liêng của người phụ nữ. Từ khi con mới
là thai nhi trong bụng, cho đến lúc sinh ra đời,
nàng đã chịu bao nỗi vất vả :
*Con mẹ có thương mẹ thay
Chín tháng mười ngày, mang nặng đẻ đau.*

Thờ con còn tấm bé, nàng phải thức khuya dậy
sớm, chăm sóc cho con từng miếng ăn, giấc ngủ :
*Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Năm canh chầy thức đủ năm canh.*

Nàng sung sướng theo dõi từng phát triển
lớn khôn của con thơ :
*Con ăn, con bú, con nô
Con lẫy, con bò, con chững, con đi
Biết bao bú mớm bù trì.*

Gặp cảnh nhà nghèo, mưa dột, nàng vội
nhường chỗ nằm khô ráo cho con :
Bên ướt mẹ nằm, bên ráo con lăn.

Nếu bị chồng phụ bạc, bỏ bê gia đình, nàng một
mình vất vả nuôi con. Thân nàng chẳng quản, chỉ
thương con phải chịu thiếu thốn :
*Nước non lận đận một mình
Thân cò lên thác xuống ghềnh bấy nay.
Ai làm cho bể kia đầy
Cho ao kia cạn cho gầy cò con.*

Trong trường hợp người chồng chẳng may mất
sớm, nàng phải làm ăn cơ cực, không chỉ ban ngày,
mà đôi khi lặn lội cả đêm khuya mới mong kiếm đủ
tiền nuôi bầy con dại. Lại khi xảy bước sa chân vào
đường tù tội; nàng sẵn sàng chịu mọi hình phạt,
miễn sao vẫn giữ được tiết sạch giá trong để bảo vệ
đời sống tinh thần cho các con :
*Con cò mà đi ăn đêm
Đậu phải cành mềm lộn cổ xuống ao.
Ông ơi ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Người mẹ thương con đến thế làm sao nỡ bỏ
con một mình để bước đi bước nữa ?
*Trời mưa bong bóng bập bồng
Mẹ đi lấy chồng, con ở với ai ?*

Điều đó cho thấy, nàng không bước đi bước
nữa, không phải vì cái danh hã “Tiết hạnh khả

phong”, mà chính vì lòng thương con vô bờ, vô bến của người mẹ.

Lại những khi con đau ốm hay gặp hoạn nạn thì lòng mẹ như nát, như tan :

*Con chim trên rừng kêu thánh tha thánh thót
Mẹ thương con cắt ruột xé hai.*

Rồi với thời gian, con càng khôn lớn, bồn phận của mẹ càng khó khăn :

Miếng ru mắt nhỏ hai hàng

Nuôi con càng lớn mẹ càng thêm lo.

Vì sao? Vì nàng biết, ngoài sự chăm sóc thương yêu, bây giờ nàng còn có trách nhiệm giáo dục trẻ thơ cho nên người hữu dụng. Nàng muốn các con nghe nàng, không chỉ bằng trái tim thương yêu mà bằng cả lý trí xét đoán phải trái :

Con ơi muốn nên thân người

“Lắng tai” nghe lấy những lời mẹ cha.

Đối với con gái, nàng dạy dỗ rất kỹ về nữ công nữ hạnh, sửa soạn cho con trở thành người phụ nữ hoàn toàn sau này :

Gái thì giữ việc trong nhà

Khi vào canh cửi khi ra thêu thùa

Ngoài ra, con gái còn cần phải biết :

Học buôn học bán cho tay người ta.

Con đừng học thói chua ngoa

Họ hàng ghét bỏ người ta chê cười.

Dù no, dù đói cho tươi

Khoan ăn bớt ngũ liệu bài lo toan.

Đối với con trai, nàng khuyến khích con chăm chỉ học hành, mong có ngày tạo nên sự nghiệp:

Con ơi con học cho cần

Bút nghiên cha sắm, áo quần mẹ may.

Con ơi con học cho hay

Có công mài sắt có ngày nên kim.

Và không quên nhắc nhở con, ăn ở sao cho ra người đạo nghĩa :

Nuôi con cho được vuông tròn

Mẹ thầy dầu dãi xương mòn gối long.

Con ơi cho trọn hiếu trung

Thảo ngay một dạ kéo lương công mẹ thầy.

Tóm lại, trong bồn phận làm mẹ, vì quá thương con nàng đã gánh chịu bao nỗi khổ cực, với niềm mong ước duy nhất : con sẽ nên người !

Mẹ nuôi con bấy lâu rồi

Nuôi con cho đến ngày thành người mới nghe.

Công trình nuôi con của các bậc làm cha làm mẹ to tát là thế. Song bởi lòng thương yêu con mà tự nguyện hy sinh nên các người chẳng bao giờ kể lễ công ơn:

Chim trời ai dễ đếm lông

Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.

Ngay cả khi con đã khôn lớn ra đời, mẹ vẫn dõi theo từng bước con đi. Phải thời chinh chiến, mẹ già lại gánh gao tiễn con lên đường :

Chém cha cái giẻ giặt chét hoang

Làm cho thiếp phải gánh lương theo chồng.

Gánh từ xứ bắc xứ đông

Đã gánh theo chồng lại gánh theo con.

Từ đó, mẹ già lại ngày ngày khắc khoải chờ trông :

Mẹ trông con ra ngòi cầu Ái Tử

Vợ trông chồng ra đứng núi Vọng Phu.

Mỏi mòn bóng xế trăng lu

Khác chi con ve kêu mùa hạ

Biết mấy thu cho người lòng.

Ôi công cha, nghĩa mẹ nói làm sao xiết !

Công cha như núi Thái Sơn

Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra.

(còn tiếp)

GS Phạm Thị Nhung
(France)

Rồng Tiên Vào Hội

‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà’

Phần I : Các giai đoạn lịch sử huy hoàng

I.-

La :

Thơ ta

Đêm đêm lưng vang bốn biển

Thơ ta đen, đỏ, tím, vàng, lam, trắng, xanh,
huyền nhiệm

Thơ vào lay động giấc Long Vương

Chồn thủy cung

Đánh thức con rồng vàng đang ngủ

Lên khỏi đại dương

Về nằm lại bên sườn Ngũ Lĩnh

Đề Rồng lại nói

Đề Rồng lại thưa

Thưa rằng :

«*Ta là Lạc Long*

Nàng là Âu Cơ

Buổi đầu dựng nước

Vàng tươi màu cờ

‘Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư’

(thơ Lý Thường Kiệt)

Đường lịch sử mưa diên vẫn vũ

Nòi Rồng Tiên thác lũ bao phen

Vuông tròn chung một khuôn thiêng

Đuổi quân giặc nước, duyên tròn lại duyên.

Trăm con một bọc

Giống nòi Rồng Tiên

Nghìn năm sau trước một thuyền

Nghĩa thề non nước, tình nguyện nước non».

Dậy dằng qua núi qua sông

Vang vang chính khí

Rạo rục lòng công đức cha ông

Dựng Việt Nam giữa trời Đông Á

Một Việt Nam anh hùng, chí cả

Một Việt Nam sắt son vàng đá

Nghìn muôn năm kết chặt bản tình ca

‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’.”

I.b :

Thơ ta

Đêm đêm trào lên ngọn bút

Ôn lịch sử mấy nghìn năm sau trước

Dạt dào tim, nghĩa nước tình nhà

Dạt dào tim, ơn Mẹ công Cha

Bao công đức dệt lời thơ bất tuyệt

Thơ rằng :

“*Tuyệt vời thay ý chí đàn bà*

Đáp nghĩa nước, trả thù nhà trọn vẹn

Dòng chính khí trào dâng lên huyết quản

Cờ Vàng bay rục sáng cõi Mê Linh

Đàn voi thiêng chung óng ả lời tình

Thế giới cổ kim, duy một lần, sau trước

Chí quân thoa trở vượt cả nam nhân

Ba năm dài dựng nước

Ba năm dài nao nức bản hùng ca :

‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’.”

“*Nửa đêm thức giấc*

Còn nghe vắng tiếng Ngô Quyền

Soi vầng trăng lạnh
Gỏ nhịp ván thuyền
Hát bài thắng trận...lên đèn
Đầu Hoẵng Thao lông lóc
Thuyền Bắc quân tan tác, dập dềnh
Từ đây dựng lập kỷ nguyên
Từ đây độc lập lưu truyền sử ca:
‘Nòi Rồng Tiên : Nam Quốc Sơn Hà !’”

“Một búp sen non nở bưng trang sử
Thời huy hoàng triều đại Lý hoàng kim
Đạo hạnh lung linh sáng rỡ hương thiên
‘Tâm như’ thâm đượm lời tim
Từ ‘vô úy’ dệt niềm tin bất diệt
Thơ thần ướp ngon gươm thiêng
Lý Thường Kiệt chặn đầu quân giặc Tống
Cờ sắc thắm lên cao lồng lộng
Đât cùng trời vang động khúc hoan ca :
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà!’”

“Một dòng sông! Có một dòng sông
Quân Nam tràn lên như bão tố
Vạn cánh tay thề ‘sát đất’ quyết không tha
Hội Diên Hồng trút lên đầu lũ giặc
Triệu rưỡi quân Nguyên ba lần tan tác
Mộng xâm lăng. Bạch Đằng giang
Sông hùng dũng của nòi giống anh hùng
Sông lũy lừng chiến tích
Sông reo hò sóng động bản hùng ca :
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’”

“Ai đi đó, có xuôi về Thanh Hóa
Tri ân người áo vải đất Lam sơn
Mười năm dài gian khổ
Đẩy Thoát Hoan cùng đường mặt lộ
Liễu Thăng, Sầm Nghi Đống,... bao tướng
giặc tài ba
Bay đầu, phơi xác, quy lỵ xin tha
Bài Cáo Bình Ngô rúng động cả sơn hà
phương Bắc

Bàn tay nông dân anh hùng dẹp giặc
Toàn muôn dân óng ả nhạc đồng ca :
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’”

“Nguyễn Huệ Quan Trung, một trận Đống Đa
Quét sạch lũ gian tà
Đẩy Sĩ Nghị vớt án kiếm, ôm đầu chạy bộ
Vạn vạn quân Thanh, cầu đổ, trôi sông
Càn Long, khiếp hãi, buộc lòng
Nghị hòa cho đỡ thẹn thùng bại binh
Nước non mình lại với mình
Bắc Nam, dân nước thanh bình
Bắc Nam lại trời sử tình âu ca :
‘Nòi Rồng Tiên : Nam Quốc Sơn Hà !’”

I.c :

Thơ ta
Đêm đêm nhìn Bắc Đẩu
Sớm sớm đón dương quang
Từng trang lịch sử huy hoàng
Từng thuở cờ vàng giữ nước
Dậy dàng tim thao thức, băng khuâng
Dậy dàng tim nao nức, rung rung
Dệt lời thơ nhớ
Thơ rằng:
“Nhớ Văn Lang quê hương rục rờ
Nhớ Cổ Loa, nhớ nỏ Long Châu
Trống Đồng gỏ nhịp khoan mau
Lạc Hồng ruổi gió bay vào sử xanh...
Nhớ từng buổi cha tần ngần buông cước
Mắt rạng ngời lúa mướt đồng xanh
Những hạt vàng long lanh
Những hạt vàng óng ánh
Nuôi dòng đời, nuôi mạch sống tinh anh
Nhớ mẹ già buông gánh hàng rong
Tay mân mê cô búp bê xinh xắn
Miệng tươi cười, lau chiếc trán mồ hôi
Chạy vào thăm cháu
Đưa cháu nhỏ đôi mắt tròn diễm lệ
Một noãn cười, non bể vào xuân

Bao em ta, riu riu chân chim
 Nhảy dây, chơi bi, đánh đáo
 Chân cô cò, la hét oang oang
**‘Công cha như núi Thái Sơn..
 Bầu ơi thương lấy bí cùng’..**
 (Hiếu nghĩa gì không ?
 Chúng lắc đầu nguây nguậy !)
 Chị ta gập mình trên trang giấy
 Bài học quá dài,
 Phép tính vi phân, phương trình lượng giác
 Khó làm sao ! Nhưng sáng ngời ánh mắt
**Quyết một lòng son sắt chí cha ông
 Các anh ta trùng trùng núi dựng**
 Trùng trùng mưa biển sóng dập dồn
 Ghim súng chờ thù, miệng thâm lẩm nhảm
 Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa,
 Chuông Dương, Hàm Tử
 Mẹ và Cha, mỗi mòn nơi hậu cứ
 Xin yên tâm, vững chí đợi con về
 Ngày hoà bình, lộng lẫy đất trời quê
 Và, đôi ta,
 Mắt em anh bảo xanh màu nước
 Ôm trọn vầng trăng anh thả trôi
 Tóc em anh bảo sợi mưa ngâu
 Chải thơm cánh gió mây từng cao
 Mạch dài hơn cả tràng giang mộng
 Tình mình ‘biển núi’ đẹp trắng sao!
 Lòng ta là biển
Trí ta là non
 Non lên cao nhìn vào biển rộng
 Biển muôn trùng chờ mộng non cao
 Chữ tình rộng hẹp ra sao
 Mà ôm trọn cả núi cao biển dài
 Rồi cứ thế, tay trong tay,
 Tiếp dòng lịch sử
 Tay trong tay,
 Ngôn ngữ mặn tình người
 Ươm vào tim từng lời thơ chính khí
 Ướp vào lòng từng nhịp bản trường ca
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà !’ ‘

I.d :

Thơ ta
 Đêm đêm cỡi ngựa vàng lên đỉnh Sóc
 Giục phi nhanh lên tận chín tầng trời
 Lật số Nam Tào
 Giờ trang Bắc Đẩu
 Xóa màu hư cấu
 Tờ thiên thư chép vội mấy dòng thơ
 Thơ rằng :
 ‘*‘Co’ con sông nào không xuôi về biển
 Có biển nước nào chẳng bốc thành hơi
 Hơi lên kết đọng mây trời
 Gió đưa mây đến từng nơi non ngàn
 Mây kết thành mưa
 Mưa tuôn ào ạt
 Nước tinh tuyền tắm mát đầu non
 Nước đi là để lại nguồn
 Tình ta qua những trang buồn lại vui’’*

Rồi ta đếm tuổi cuộc đời
 Trong ta cỡi đất cỡi trời giao nhau
 Nghìn năm sau trước trước sau
 Để ai dựng vách ngăn rào núi sông
 Bao phen con Lạc cháu Hồng
 Xóa trang dị sử, dẹp dòng can qua
 Thái bình ghi nỗ lực
 Thủ tích dựng mùa hoa
‘Nòi Rồng Tiên: Nam Quốc Sơn Hà!’.

Nguyễn Thùy (Germany)



Mai biến thành rồng

LỊCH SỬ và THẮNG CẢNH HỒ HOÀN KIẾM

*

Mỹ Phước Nguyễn Thanh

Thu mình giữa lòng Thăng Long vẫn vật, hồ Hoàn Kiếm tự bao đời vẫn long lanh sắc nước, với Tháp Rùa cổ kính trang nghiêm, với đền Ngọc Sơn lẩn khuất dưới bóng cây xanh, bên cầu Thê Húc đỏ son.

Thuở xa xưa vùng đất này là rừng rậm xen lẫn đầm lầy. Bờ sông Nhị lẩn dần mãi sang phía đông bỏ sót lại nhiều kinh rạch, ao hồ. Có nơi hồ ao nối nhau từng chuỗi ngang dọc, cách nhau bằng những doi đất, làm chướng ngại vật thiên nhiên nằm chen giữa thành trì và bờ sông, giữ vai trò không kém những hào lũy. Nhưng mỗi tác đất là một tác vàng, nơi đất cao ráo dân ta trồng trọt, lập làng, xây đình, nhà dân ra sát mép ao hồ.

HỒ HOÀN KIẾM

Khi vua Lý Thái Tổ dời kinh đô về Thăng Long (1010), hồ nước ấy mang tên **Lục Thủy**, dân gian gọi như thế vì nước hồ xanh suốt bốn mùa. Phía bắc hồ có **đảo Tượng Nhĩ** (giống hình tai voi), vua Lý Thái Tổ đặt tên là **Ngọc Tượng**.

Sang đời nhà Trần, đảo lấy tên là **Ngọc Sơn** hay **đảo Ngọc**. Sau khi Hưng Đạo Vương đánh thắng quân Mông Cổ trên sông

Bạch Đằng vào năm 1288, ngài cho xây ngôi đền trên đảo Ngọc để thờ các anh hùng liệt sĩ.

Vào năm 1428, nhân một chuyến dạo thuyền trên hồ Lục Thủy, Vua Lê Lợi gặp rùa thần đòi lại thanh bảo kiếm năm xưa trời đã ban cho để chống quân Minh. Từ đó tên hồ đổi là **Hoàn Kiếm**.



Những năm sau đó, dưới đời nhà Lê, phần hồ phía nam thông ra Nhị Hà được dùng làm nơi luyện tập thủy chiến, nên hồ mang tên **Thủy Quân**, ngăn cách với phần hồ phía bắc - vẫn giữ tên Hoàn Kiếm - bởi doi đất làng Cự Lâu (ngang với Bưu Điện ngày nay). Trong khi ấy ngôi đền từ sĩ trên đảo Ngọc - xây dưới đời Trần - đã đổ nát

được dựng lại thành Võ Miếu thờ đức Trần Hưng Đạo (có sử chép là Lê Lai) bên cạnh Quan Công.

Trong suốt hai thế kỷ, các chúa Trịnh nắm hết quyền hành của nhà Lê. Giữa thế kỷ thứ 17, Trịnh Tạc cho xây Vương phủ riêng ở phía nam hoàng thành Thăng Long, có tường dày như pháo đài và nguy nga như hoàng cung. Phủ ấy ở bên phía tây hồ Hoàn Kiếm (khoảng Nhà Thờ Lớn hiện nay). Từ cửa Tuyên Vũ của Vương phủ nhìn ra sông Nhị, hồ Hoàn Kiếm nằm phía bên trái nên gọi là **hồ Tả Vọng**, hồ Thủy Quân ở bên phải nên gọi là **hồ Hữu Vọng**.

Vùng hồ Hoàn Kiếm thuộc về Vương Phủ họ Trịnh, nên các chúa nhiều đời nối tiếp nhau cho trùng tu, xây dựng:

- Bên phía tây hồ Hoàn Kiếm: **Cung Khánh Thụy** (khu vực phố Bảo Khánh ngày nay), kề bên có **núi Ngọc Bội** (để nhắc lại chiến công của chúa Trịnh Doanh, đánh thắng nghịch Phương);

- Bên phía đông hồ Hoàn Kiếm: **Lâu Ngũ Long** (chỗ nhà Bưu Điện hiện nay), **núi Độc Tôn** (ngay bờ hồ, đối diện đảo Ngọc Sơn, sau này Tháp Bút được xây trên đó);

- Trên đảo Ngọc Sơn, chúa Trịnh cho xây **Đình Tả Vọng** (dùng làm nhà nghỉ mát, đài câu cá).

Ngoài ra, để nối liền hai bờ hồ, chúa Trịnh cho đắp đất, làm đường đi từ Vương Phủ sang tận lầu Ngũ Long bên bờ Nhị Hà. Kể từ đó hồ Hoàn Kiếm (Tả Vọng) cách biệt hẳn hồ Thủy Quân (Hữu Vọng).

Cuối đời nhà Lê, năm 1786, vua Lê Chiêu Thống, do lòng căm hận các chúa Trịnh, cho đốt phá hết các kiến trúc đã xây từ nhiều đời trước, tiêu biểu là cung Khánh Thụy, lửa bốc cao ngất trời, mười ngày chưa tắt!

Từ năm 1884, nhà nước Pháp mở mang đường phố, chỉ giữ lại hồ Hoàn Kiếm, lấp bằng hồ Thủy Quân. Khu vực Hồ Gươm trở thành nơi vui chơi và nghỉ mát.

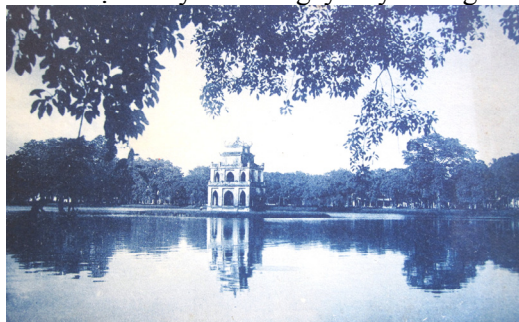
THÁP RÙA

Từ xưa, giữa hồ Hoàn Kiếm có một đảo nhỏ nhô khỏi mặt nước gọi là Gò Rùa hay Đảo Rùa. Diện tích gò ấy không đáng kể (bằng khoảng 1/3 diện tích ngày nay) nên lịch sử hồ Gươm ít nhắc đến (Nhiều sử gia không tin rằng đình Tả Vọng xây trên Gò Rùa).

Mỗi khi chúng ta nghe nhắc đến hồ Hoàn Kiếm, chúng ta thường nhớ đến truyện Vua Lê Lợi trả gươm và Rùa thần. Như đã nói trên, khi xưa hồ rất to lại thông ra sông Hồng nên nhiều động vật đến đây dung thân, trong đó hẳn có nhiều loài rùa. Một loài đáng để ý nhất, thân mềm như con ba ba, nhưng rất to, dài gần 2 mét, thỉnh thoảng trèo lên phơi nắng trên Gò Rùa, hay bơi thong thả đó đây. Đó là Rùa Hồ Gươm, rất hiếm, có nguy cơ tuyệt chủng.

Năm 1884, một nhà giàu có ở phố Hàng Khay là bá hộ Nguyễn Ngọc Kim bỏ tiền ra xây Tháp Rùa như ta còn thấy hiện nay (Có thuyết nói rằng ông định an táng song thân của mình ở nơi ấy nhưng việc không thành).

Gò và Tháp Rùa góp mặt với lịch sử khá muộn. Tuy nhiên ngày nay không thể



thiếu Tháp Rùa trên hồ Hoàn Kiếm, vì hình ảnh đó đã trở thành một biểu tượng khó phai nhòa trong ký ức người yêu Hà Nội.

ĐỀN NGỌC SON



Đường vào Đài Nghiên, Đền Ngọc Sơn (bản khắc dựa theo ảnh của BS Hocquard, 1884)

Từ đời Hậu Lê trên đảo Ngọc đã có Võ Miếu thờ Quan Công và Đức Thánh Trần. Trải bao thăng năm, đến đầu thời Gia Long, nơi thờ Quan Công vẫn tồn tại nhưng thu hẹp còn ngôi miếu nhỏ. Ông Tín Trai, một nhà từ thiện quê ở Hà Đông, xây trên nền ấy một ngôi chùa Phật, **Ngọc Sơn Tự**, phía trước dựng một gác chuông. Vài thập niên sau chùa lại đổ nát.

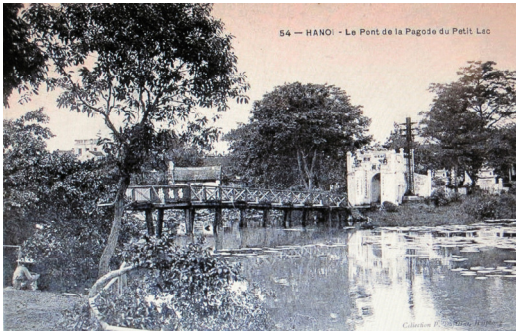
Vào thời đó, ở Hà Nội có hội Hường Thiện, do các nhà trí thức nho học thành lập. Những mục tiêu của hội là tu dưỡng bản thân, tương trợ đồng bào, chấn hưng văn hóa... Trong số những người sáng lập hội, nổi bật nhất là ông Vũ Tông Phan. Ông đỗ tiến sĩ dưới triều Vua Minh Mạng, năm 38 tuổi cáo quan về mở trường dạy học ở thôn Tự Tháp, bên cạnh hồ Gươm. Hội Hường Thiện đang tìm nơi xây dựng đền thờ Văn Xương Đế Quân, vị thần văn học và khoa cử. Khi biết được hội có ý

định đó, con ông Tín Trai đã vui lòng nhượng chùa đang hư đổ lại cho hội.

Công việc trùng tu bắt đầu năm 1841, gồm có: bỏ gác chuông, xây lại các gian điện chính (đền Quan Công đã có từ thời Gia Long ở phần hậu cung, đền Văn Xương ở gian giữa)... Việc tu sửa hoàn tất năm 1842, chùa đổi tên là **Đền Ngọc Sơn**. Vũ Tông Phan vừa có công sáng lập đền Ngọc Sơn, vừa điều hành các hoạt động văn hóa của hội Hường Thiện. Vị hội trưởng kế tiếp là Phó bảng Nguyễn Văn Siêu (1799-1872), người văn chương nổi tiếng cùng thời với Cao Bá Quát (Văn như Siêu, Quát vô Tiền Hán...), cùng với sự đóng góp của Án sát Đặng Huy Tá, đã tiếp nối sự nghiệp của Vũ Tông Phan điều khiển hội. Đền Ngọc Sơn cũng có giữ nhiều bản gỗ in sách cổ, trong đó có đủ bộ «Y tông tâm lĩnh» của Hải Thượng Lãn Ông, «Tang thương ngẫu lục» của Nguyễn Án, «Phương Đình văn loại», «Phương Đình tùy tùng bát lục» của Nguyễn Văn Siêu...

Hai mươi năm sau, đền cần được trùng tu, Nguyễn Văn Siêu đứng ra quyên góp tài chính, và nhân cơ hội ấy ông cho xây thêm: Đình Trấn Ba, Cầu Thê Húc, Tháp Bút, Đài Nghiên... Công trình mất 4 năm mới kết thúc (1865).

Đình Trấn Ba ở phía nam đảo Ngọc, hướng về tháp Rùa. Đình xây trên nền vuông với tám cột - bốn cột tròn phía trong bằng gỗ, bốn cột vuông phía ngoài bằng đá - chống đỡ hai tầng nóc. Trấn Ba nghĩa là «chấn sóng», ngụ ý kháng lại những làn sóng văn hóa không lành mạnh.



Cầu Thê Húc - Đền Ngọc Sơn

Cầu Thê Húc nối liền bờ phía đông của hồ Gươm với đảo Ngọc, đưa du khách sang thăm đền, bước qua dưới Đắc Nguyệt lâu (lầu được trăng). Chiếc cầu gỗ đầu tiên rất thô sơ nay nhường chỗ cho cầu vòng xinh xắn và bền chắc. Thê Húc nghĩa là « ánh ban mai đậu lại », cộng với màu đỏ của cầu, tượng trưng cho ước vọng đón lấy nguồn hạnh phúc.

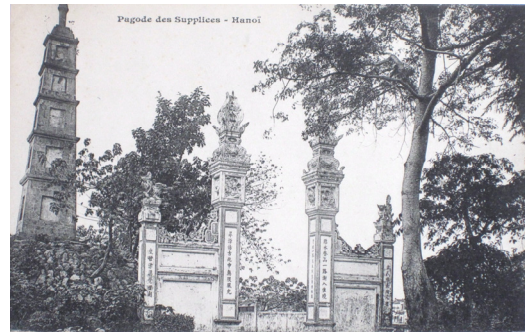
Tháp Bút được dựng trên núi Độc Tôn, bên trái cổng vào đền Ngọc Sơn. Tháp bằng đá, hình trụ vuông gồm 5 tầng, càng lên cao càng nhỏ dần. Đỉnh tháp mang hình ngọn bút đá hướng lên trời. Mặt tháp quay về cổng đền mang ba chữ viết theo chiều dọc: Tả Thanh Thiên, nghĩa là « viết lên trời xanh ». Ba chữ đầy bí ẩn của nhà giáo dục, nhà văn hóa Nguyễn Văn Siêu phải chăng có nghĩa « Giải bày ước mơ cao cả với trời xanh » ? Hay « Học vấn và trí tuệ mở rộng tầm nhìn » ?

Đài Nghiên là một cổng có tường, có mái, đứng bên đầu cầu Thê Húc. Từ Tháp Bút chúng ta đi qua cổng rồng và hồ (tượng trưng cho sự đỗ đạt), theo một đường thẳng giữa hai dãy tường thấp dẫn đến Đài Nghiên. Trên mái cổng đặt một nghiên đá có dạng nửa quả đào, dài

khoảng 1 mét, ba chân nghiên là ba con cóc quay đầu ra ngoài. Trên thân nghiên có khắc một bài minh của Nguyễn Văn Siêu gồm 64 chữ, nội dung ca ngợi công dụng của nghiên mực theo quan niệm văn hóa, triết học. Tháp Bút và Đài Nghiên tượng trưng cho văn hóa Nho học, đạo đức, hướng thiện.

Đối diện với đình Trấn Ba là ngôi đền chính gồm 3 gian: Tiền đường; gian kế tiếp là đền Văn Xương với bức tượng đứng, tay cầm bút; gian sau cùng là đền Quan Công với tượng ngự trên bệ cao trong hậu cung, hai bên có cầu thang bằng đá. Sang cuối thế kỷ 19, Đức Thánh Trần bắt đầu được phụng thờ bên cạnh Quan Công, lúc đầu chỉ có bài vị của ngài, mãi đến 1952 mới có người dâng bức tượng.

Đền Ngọc Sơn từ quá khứ đến hiện tại đã từng là chùa, đền, Võ Miếu, Văn Miếu.



Tháp Bút và cổng vào Đền Ngọc Sơn.

ĐI THĂM PHỐ CŨ QUANH HỒ HOÀN KIẾM

Khi Pháp mới chiếm Hà Nội, phong cảnh quanh hồ giống một thôn quê, nhà tranh lán với nhà gạch, đất hoang bên cạnh những lùm cây cỏ um tùm, thấp thoáng ruộng vườn, ao mương giữa những đền, chùa.

Tháng 11 năm 1885, nhà dân sống quanh hồ bị giải tỏa, các vùng trũng thấp được lấp bằng. Đến năm 1893, con đường nhựa chạy quanh hồ được khánh thành. Nhiều hoa viên xinh xắn bắt đầu tô điểm cảnh sắc cho Hồ Gươm.

Chúng ta thử ngược dòng thời gian viếng thăm các phố quanh hồ, và chọn lộ trình theo chiều quay kim đồng hồ.

Ra khỏi công tam quan đền Ngọc Sơn, chúng ta đứng bên phố Đinh Tiên Hoàng (Francis Garnier), là trục đường dọc theo bờ phía đông Hồ Gươm. Trước năm 1990, xe điện còn chạy trên phố này với tiếng lăn của bánh sắt và tiếng leng keng thân thuộc đối với người Hà Nội. Bên kia phố hơi chệch về bên trái là **đền Bà Kiệu**, được dựng vào đầu thế kỷ 17 thời vua Lê Thần Tông, là nơi thờ công chúa Liễu Hạnh (con gái của Ngọc Hoàng Thượng Đế), và hai vị tiên hầu cận là Quỳnh Hoa và Quế Hoa. Lúc trước đền nằm trên khu đất rộng, khi Pháp làm đường chung quanh hồ, đất của đền bị chia cắt, công đền bị cô lập nên đứng một mình phía bờ hồ. Bên phải của đền, nơi giao nhau của phố Hàng Dầu (rue du Lac) và phố Đinh Tiên Hoàng lúc xưa là nền cũ của rạp chiếu bóng Pathé - còn gọi rạp Chùa Bút, sau đổi tên Les Variétés - rạp chiếu bóng đầu tiên của Đông Dương (1920). Rạp Pathé chỉ tồn tại hơn mười năm. Trên nền cũ ấy hội Truyền Bá Quốc Ngữ dựng một nhà bia kỷ niệm Alexandre de Rhodes (1943), nay cũng không còn.

Tiếp tục dời gót về hướng nam, chúng ta đi ngang **Nhà máy điện bờ hồ**, từ xa vẫn có thể nhận ra nhờ ống khói to rất cao. Mấy bước bên cạnh là tòa nhà **Giám đốc thuế quan**.

Không xa đây, bên kia của phố Trần Nguyễn Hãn (Balny) là **dinh đốc lý** (nay ta

gọi là tòa thị chính), phía sau là **sở Kho bạc**, xây trên nền cũ của **Chùa Tàu**, đã bị phá bỏ vào cuối thế kỷ 19. Xưa trong sân chùa có ngôi mộ một Hoa kiều giàu có. Khi mới chiếm Hà Nội, Pháp đã dùng chùa Tàu làm tòa Hiệp lý, tức trụ sở của quan thuộc quyền hội đồng thành phố.

Thảm cây xanh trước Kho bạc là **vườn hoa Paul Bert**, được thành lập khoảng 1890, nằm giữa hai phố, Lê Lai (Dominé) và Lê Thạch (Chavassieux). Trên đài tròn nhìn thẳng ra Tháp Rùa, tượng đồng Paul Bert đứng cầm cờ bên người dân thuộc địa nhỏ bé ngồi chên vênh ngược nhìn trời. Không xa phía sau tượng đài này là «nhà kèn» hình bát giác, nơi các đội quân nhạc Pháp đến trình diễn vào các ngày lễ.



Vườn hoa Paul Bert (Nay là vườn hoa Chí Linh), phía sau tượng đài là Nhà Kèn (Bưu ảnh 1902).

Đối diện vườn hoa, bên kia phố Lê Thạch là khu **nhà Bưu Điện**, xây năm 1901. Bên trên mặt tiền tòa nhà quay ra tháp Rùa có đồng hồ to, nhìn thấy từ xa phía bên kia hồ. Khu vực bắt đầu từ Bưu điện trải rộng đến phố Tràng Tiền, gồm cả ngân hàng địa ốc cũ, đến phủ Thống Sứ bên phố Ngô Quyền (Henri Rivière), đều là nền xưa của chùa Quan Thượng.



*Nhà Bưu Điện phố Lê Trạch/Chavassieux
(bưu ảnh 1902)*

Tổng đốc Hà Nội Nguyễn Đăng Giai quyết tâm hoàn tất việc xây cất chùa Báo Ân vào 1843, nên còn được gọi là **chùa Quan Thượng**. Chùa đã bị Pháp phá bỏ năm 1889, chúng ta chỉ còn biết qua ảnh chụp và vài miêu tả ngắn như: «Vô cửa hai bên có tháp cao. Vào trong có hồ sen đi quanh co vòng theo chùa, với cầu xây đá gạch bắt tứ phía. Trong chùa dâng trước để tượng Phật to lớn. Hai bên có làm động và thập điện». (Thập điện là những cảnh cực hình dưới âm phủ chạm nổi trên vách - nên người Pháp gọi là chùa Khổ hình (pagode des Supplices). Khi Trương Vĩnh Ký đến thăm chùa vào năm 1876, ông nhận ra «chùa đã hư tệ». Pháp biến chùa thành cơ quan quân sự, như bản đồ năm 1890 cho thấy, khuôn viên chùa phía bên phải bị lấn, xẻ làm đường đi (nay là phố Đinh Lễ, rue Intendance, Fourès), bên trái còn lại vài ao nước, bản thân chùa bị phân chia thành hai ngôi nhà riêng rẽ. Khoảng mười năm sau khi chùa bị phá đi rồi, vẫn còn tro chiếc cổng mang bốn chữ «Phương tiện pháp môn». Ngày nay chỉ còn lại **tháp Hòa Phong** trên lề đường sát bờ hồ, xưa đứng giữa lối thẳng vào chùa.

Chúng ta đến ngã tư Hàng Khay-Tràng Tiền, nơi từ đầu thế kỷ 20 đã có một cửa hàng bách hóa Grands Magasins Réunis, sang trọng nhất Hà Thành. Cũng nơi đây, đường xe điện nối dài qua phố Hàng Bài (xưa là phố Đồng Khánh) thẳng xuống Bạch Mai. Xưa hơn nữa, con đường phía nam hồ Gươm này - từ phố Tràng Tiền (Paul Bert) đến phố Tràng Thi - mang tên Hàng Khay, vì có nhiều thợ hành nghề khảm xà cừ trên gỗ, đặc biệt là trên khay trà, khay rượu, nên ta còn gọi là phố Hàng Khảm. Trong giai đoạn Pháp mới chiếm Hà Nội, phố hàng Khay nằm trên «đường chiến lược» vì nối liền khu nhượng địa bên sông Hồng với trại đóng quân của Pháp đặt trong thành Thăng Long cũ, nên cũng là con đường đầu tiên Pháp rải đá, sửa sang. Nay đoạn phố này chỉ một bên có các cửa hàng, phía bờ hồ là vườn cây xanh rợp bóng, ngày xưa có lúc dãy hàng hoa hộp bên góc hồ, bày bán dưới đất hay trên các kiosques, không xa bồn phun nước.



Tháp Hòa Phong, Phố Đinh Tiên Hoàng (Francis Garnier), lúc chut có xe điện, bưu ảnh 1902.

Đến góc tây nam hồ, chúng ta gặp phố Lê Thái Tổ (Jules Ferry). Đầu phố, nơi giáp với Tràng Thi (Borgnis Desbordes), trước kia có sở cảnh sát (quen gọi là Sở Cấm).



Phố Đinh Tiên Hoàng nhìn về Ngã Tư Hàng Khay Tràng Tiền (bưu ảnh 1935).

Cuối thế kỷ 19, lúc Pháp chưa mở đường dọc bờ hồ phía tây, con phố duy nhất nối liền phố Hàng Gai với phía nam hồ Gươm là phố Hàng Thêu, phố mang tên ấy vì là nơi tập trung thợ thêu. Ngày nay cũng phố này, đoạn giáp với Hàng Gai mang tên Hàng Trống, vì xưa nơi đây và các phố phụ cận chuyên làm và bán trống dùng trong các hội hè, tế tự..., riêng vào những ngày giáp Tết người ta bày bán tranh dân gian như tranh Tết, tranh thờ, vì vậy phát xuất tên gọi dòng tranh Hàng Trống.

Đền vua Lê Thái Tổ tọa lạc trên phố cùng tên, mặt tiền hướng ra hồ. Đền được xây dưới thời vua Thành Thái (1889), kiến trúc nửa Âu nửa Á. Tượng vua Lê đứng trên trụ đá. Phía trước tượng vua là đền, giống như nhà bia, mái gồm hai tầng theo phong cách Việt Nam, cột xây theo kiến trúc phương Tây, nền cao hình vuông có lan can bao quanh.

Phía sau đền vua Lê, mãi tận bên kia của phố Hàng Trống là **Chùa Bà Đá**. Tương truyền khoảng cuối thế kỷ 15, ở đây có người đào được pho tượng Phật bà bằng đá. Tượng ấy linh thiêng nên dân làng dựng chùa để thờ, nhưng đã biến mất sau một trận hỏa hoạn vào thời Pháp thuộc.

Kiến trúc xưa đồ sộ nhất nằm phía tây hồ Gươm là **Nhà Thờ Lớn**, đến nay vẫn được xem là tòa nhà không hề thay đổi từ khi khánh thành năm 1886, trên nền cũ của chùa Báo Thiên.

Chùa Báo Thiên được xây dựng thời vua Lý Thánh Tông (1056), chùa có đại hồng chung nặng 7 tấn, bên cạnh có tháp 12 tầng với đỉnh bằng đồng. Đó là **tháp Báo Thiên** được xem như vị trí chuẩn trên các bản đồ xưa: đi thuyền trên Nhị Hà từ xa trông tháp đã biết hướng thành Thăng Long. Năm 1427, bị Bình Định Vương Lê Lợi bao vây, quân Minh lấy chuông và đỉnh tháp nấu chảy đúc súng để cố thủ, nhưng vẫn bị đánh bại. Tháp đứng vững được năm thế kỷ, lâu ngày tháp sụp đổ, không được trùng tu. Còn chùa trở nên hoang phế sau một trận hỏa hoạn vào cuối thế kỷ 19. Pháp chiếm Hà Nội, chùa bị phá bỏ, nhường chỗ cho Nhà thờ lớn hiện nay.



Đền Vua Lê Thái Tổ, phố Lê Thái Tổ (Beauchamps), bưu ảnh 1935.



Nhà Thủy Tạ (bưu ảnh 1950)

Theo phố Lê Thái Tổ tiến lên phía bắc , chúng ta gặp **nhà hàng Thủy Tạ**, kiến trúc duy nhất nằm bên bờ Hồ Gươm. Đứng xa trông lại nhà Thủy tạ giống như con rồng nằm cong ôm góc bờ hồ, đầu rồng là phần nhà cao phía bên phải. Kiến trúc này đã có trước 1940, nhưng đến nay còn mang vẻ khá tân kỳ.

Đến đông bắc bờ hồ, chúng ta dừng chân trên Quảng trường Đông Kinh Nghĩa Thục (Place Négrier), là giao lộ tỏa đi nhiều hướng, cửa ngõ vào khu phố cổ, cung là ngã rẽ của xe điện: hoặc theo phố Hàng Đào lên chợ Đồng Xuân, hoặc quẹo trái đi Cửa Nam.

Đầu phố Hàng Đào năm 1907, ngôi nhà cụ Lương Văn Can, và cách đó vài căn, treo biển mở trường **Đông Kinh Nghĩa Thục**, vừa dạy học vừa diễn thuyết, với mục đích giáo dục và hô hào cải cách tư tưởng cho mọi người dân.

Vào cuối thế kỷ 19, con đường phía bắc hồ Gươm còn hẹp, sau người ta mở rộng bằng cách bồi lấp bờ hồ, trên đó lập ra nhà ga xe điện, hằng ngày tấp nập người lên kẻ xuống. Khác hẳn với cảnh vắng vẻ đời xưa, chỉ là bãi đất hoang cỏ dại với mấy cây dừa

cần cỗi dùng treo đầu lâu của những tử tội bị xử trảm, để làm gương cho người qua lại! Không xa đây, nơi khúc quanh phố Đinh Tiên Hoàng (Francis Garnier), ngày trước có trụ sở Hội âm nhạc, nhìn thẳng ra đền Ngọc Sơn. Lúc mới xây vào năm 1889, khi chưa mở con đường Francis Garnier xuyên qua đất đền Bà Kiệu kề bên, thì mặt tiền trụ sở ấy đứng sát bên bờ hồ.

Chúng ta đã đi hết một vòng hồ Gươm, giờ lại đứng trước đền Bà Kiệu. Hãy ngắm đền Ngọc Sơn một lần nữa và ngắm câu ca dao:

Rủ nhau xem cảnh Kiếm Hồ,
Xem cầu Thê Húc, xem chùa Ngọc Sơ n.
Đài Nghiên, Tháp Bút chưa mòn,
Hỏi ai xây dựng nên non nước này?



Bờ phía Bắc Hồ Hoàn Kiếm, chỗ ga xe điện, lúc phố chưa được mở rộng (1905). Trụ sở hội âm nhạc (société philharmonique) là ngôi nhà phía xa, bên phải trong ảnh.

Tài liệu tham khảo:

Chuyến đi Bắc Kỳ năm Ất Hợi - Trương Vĩnh Ký.
Hà Nội cũ - Sở Bảo Doãn Kế Thiện - Nxb Đồi Mới Hà Nội 1943.
Histoire de Hanoi - Philippe Papin - Fayard 2001
Bản đồ Hà Nội 1890, 1925, 1974.
Wikipedia

Mỹ Phước Nguyễn Thanh (Paris)

GỌI HỒN GIỮA THĂNG LONG

Gió ào ào...

Rít...

Gào...

Cây quần quai...

Phải hồn thiêng giận dữ ra oai?

Bao năm rồi... sao chẳng chút ngời ngoai!

Hồn thiêng hỡi!

Sao chưa đành siêu thoát?

Vì đất nước lòng dân tan tác!

Vì người hại người đang vượt cả thiên tai!

Hôm nay đây,

Người Việt trong, ngoài

thấp nén hương lòng

lập đàn trai giữa đất Thăng Long

kỷ niệm một ngàn năm văn hiến

Chiêu hồn anh linh Lý Thái Tổ

cùng các bậc hùng anh, nữ kiệt

từng xả thân gìn giữ sơn hà

hội tụ về đây hạch tội

kẻ công răn cắn gà nhà

xé mảnh dư đồ tả tơi rách nát

Ái Nam Quan, Bản Giốc. Ôi danh thác!

Dấu Phi Khanh, Nguyễn Trãi còn đâu!

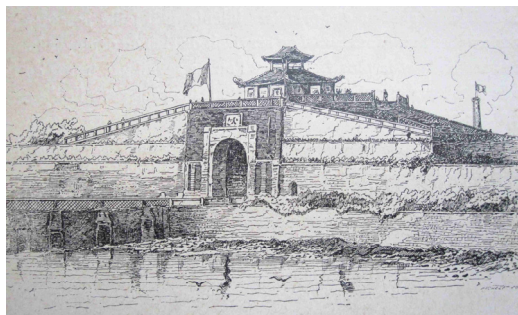
Các anh hùng được ghi khắc ơn sâu

trấn giữ Hoàng Sa, Trường Sa

Sao giờ đây để vào tay gian tặc!

Sao độc lập vẫn cống triều phượng Bắc?

Sao tự do người dân chẳng được than?



Sao hạnh phúc mà cuộc sống cơ hàn
cứ bám riết người dân lành chất phác?
Sống lạc lõng giữa lũ người mang tim loài quỷ ác
xây lâu đài trên bãi tha ma
Khách sạn, hí trường lộng lẫy nguy nga
mọc trên mảnh đất mồ hôi nước mắt
của bản nông ngàn đời chịu khổ...

Nhưng...

Hồn thiêng hỡi!

Hãy dẫn cơn thịnh nộ!

Hãy lặng nhìn...

những trẻ thơ kiếm ăn trên hè phố

Những mẹ già còm cõi sớm mai

bới đồng rác, rãnh, mương... kiếm chút
sinh nhai

qua những ngày đông hàn,

hè nắng chói...

Đây phố phường đám dân oan khóc gọi:

Đảng ơi!

Nhà Nước ơi!

Thủ Tướng ơi!

Xin cứu chúng tôi!

Tiếng kêu gào tắt nghẹn... tàn hơi...

Nhưng...

Người ngồi trên đó... vô thức, vô tình, vô cảm...

Bọn Tư bản đỏ, Cường hào mới...sinh sản...
nhanh như vết dầu loang...

Hỡi hồn oan
của “Ngày Long Trời Đêm Lở Đất!” (*)
Về đây xem...
Lịch sử đang đảo lộn!
Bọn địa chủ mới
cướp đất nhà chùa, nhà thờ, nhà dân...
giữa ban ngày
Chính quyền dấu mặt... đưa tay...!

Hỡi oan hồn của bao tội ác!
Huế Mậu Thân bao người oan thác!
Thuyền, bộ nhân... bỏ xác, xương khô...
Trại cải tạo trá hình xảo quyệt mưu mô...
Máu, nước mắt ngập tràn trang sử!

Hỡi hồn thiêng
Anh Hùng, Liệt Nữ!
Các con cháu Lạc Hồng
quật cường đòi Tự Do, Dân Chủ
đang bị bách hại, tù đầy, bịt miệng câm,
bức tử...
Có thời nào
đất nước đầy nghịch lý, oái oăm...
đàn áp dân biểu tình chống đối ngoại xâm?!

Hỡi Hồn thiêng sông núi!
Hỡi Hùng Vương Quốc Tổ!
Nhục nước này xiết bao tủi hổ!
Hãy về đây phù trợ đàn con
quyết một lòng giải cứu quê hương
Giành lại đất đai
Bảo toàn lãnh thổ
Để Việt Nam lại cất đầu ngẩng cổ

Nhìn thế giới...
Hôm nay!

TRƯỜNG ANH THỤY

(*) Cải Cách Ruộng Đất (1953-56 tại Bắc Việt. Có 172.008 địa chủ là nạn nhân trong đó 70% bị tố oan, tố điều, hành hạ, giết oan...!)

SUMMONS TO THE SOULS IN THANG LONG-HANOI

Wuthering winds
Howling
Raging
Bearing down on writhing trees:
Are you sacred souls that in anger manifest
yourselves?
For a long time now, you remain
unappeased!

Sacred souls!
Are you unable to find liberation?
Are you suffering on behalf of the nation
and the people?
'Cause man has made man suffer worse
than natural calamities!

Today, then,
The Vietnamese both at home and abroad
light candles in their hearts
to set up an altar in downtown Thang Long
to commemorate a thousand years of high
civilization
Asking that the manes of Ly Thai To^(*)
Along with those of heroes and heroines
who have given their all to protect our land
to gather here and indict
those who dared import snakes to bite our
domestic fowls
and contribute to tearing further the already
ragged map...
O Nam Quan Pass! Ban Gioc Fall of
resplendent name!
Where are now the traces of Phi Khanh
and Nguyen Trai?
And those heroes whose names were
imprinted deeply
in our minds for having defended Hoang
Sa and Truong Sa!
How come these islands are now in enemy
hands?

Independence, you say? Why then so
much tribute to the neighbor to the North?
Freedom, say you? Why can't people emit
so much as a complaint?
Happiness, yes? Why is life still obsessed
with hunger and cold,
conditions that don't ever leave the
common people?

They live now lost among those with
devil's heart
Who build castles on cemeteries full of bones
As hotels and entertainment palaces of
magnificent splendor
are erected on grounds filled with sweat
and tears
of the impoverished farmers who had to
save every penny...

Hold it,
Sacred souls!
Please hold down your anger!
And look on silently...
Small children eking a living on street curbs
Old wrinkled women from early dawn
scavenging trash dumps, sewers, and
canals... for scraps
through the bitter cold of winter
or the burning sun of summer...
Look, the streets are filled with victims of
land injustice as they cry:
"O Party!
"O Government!
"O Mr. Prime Minister!
"Please save us!"
The yelling stops... with no breath left...
But
Those sitting up there are unconscionable,
deprived of sentiments or emotions
Those Red Capitalists and new Local
Tyrants who just grow
by leaps and bounds, like a spreading oil spot.

O souls victims of injustice
From the “Sky-shaking Days and Earth-
shattering Nights”(**)
Come and see for yourselves
History is being overturned!
The new landlords
now go after the property of Buddhist
temples and Catholic churches, of common
people
in broad daylight
With the government turning its eyes away
while helping itself to it.

O victims of so much crime across the
land!
O those who died unjustly at Tet 1968 in
Hue!
Boat people, land people... who left their
cadavers and dry bones
Or those who were wrongfully put in so-
called re-education camps
Whose blood and tears fill the history
pages!

Sacred Souls
Of Heroes and Heroines!
The descendants of Lac Hong
who fearlessly demanded Freedom and
Democracy
those who are being repressed, jailed, exiled,
have their mouths shut, or forced to suicide,
Is there a time in history
where our country has seen so much
paradoxes and ironies

where manifestations against foreign
aggression are cruelly repressed?

O Sacred Soul of the Land!
O Hung Vuong, our Founder King!
How shameful it is to swallow these
terrible deeds!
Please come home and help your children
in their determination to save the land from
its horrible fate
Let them wrest back the land we lost,
Wrest back the territories given away
Protect the whole sacred land
So that Vietnam could once again raise its
head
And look at the world...
Of today!...

TRUONG ANH THUY

Translated by

NGUYEN NGOC BICH

Arlington, March 13, 2010

(*) The founder of the Ly Dynasty in
Vietnam (1010-1225).

(**) Reference here is made to the Land
Reform in North Vietnam (1953-56) ,
called “the sky-shaking and earth-
shattering revolution,” which claimed
172,008 victims out of which 70 percent
are said to be wrongly accused, maliciously
denounced, tortured and killed.

PLATO

(427 - 347 Trước T. L.)

Đại Hiền Triết Cổ Hy Lạp

PHẠM VĂN TUẤN

Plato là nhà Đại Hiền Triết và nhà Giáo Dục của thời Cổ Hy Lạp, đồng thời cũng là một trong các nhà tư tưởng quan trọng nhất, đã viết ra nhiều tác phẩm giá trị, gây nên ảnh hưởng rộng lớn trong nền Triết Học Tây Phương.

1/ Cuộc đời của Plato.

Plato chào đời tại Athens, Hy Lạp, vào năm 428 hay 427 trước Tây Lịch (TL). Plato thuộc gia đình quý phái cả về phía cha lẫn phía mẹ. Cha của Plato tên là Ariston giòng dõi Codros, vị vua cuối cùng của thành Athens và được coi là con cháu của thần Poseidon. Mẹ của Plato là Perictione có họ hàng với Solon, nhà luật học lừng danh của Hy Lạp. Plato có một người chú tên là Critias, là một trong 30 nhân vật thuộc Hội Đồng Hoạt Đầu (conseil oligarchique).

Theo phong tục của các đại gia đình Hy Lạp, Plato được đặt tên của ông nội là Aristocles vào ngày Thứ Sáu sau khi chào đời, còn tên Plato là biệt hiệu, có lẽ vì vóc người to lớn hoặc vì vầng trán cao rộng. Plato có một người chị và hai anh là Adeimantus và Glaucon mà tên còn được nhắc nhở trong cuốn sách “*Nền Cộng Hòa*” (The Republic) trong vai người đối thoại của Socrates.

Sau khi Plato chào đời được ít lâu, cha của ông qua đời, mẹ tái giá với Pyrilampes, một người chú họ ngoại và cũng là người bạn, người ủng hộ nhiệt thành Pericles, một chính khách đã điều hành tốt đẹp thành Athens trong các năm 400 trước TL. Tại nhà của Pyrilampes, Plato được mẹ chăm sóc tới năm lên 7 tuổi, rồi được theo trường học. Thời bấy giờ, trẻ em được huấn luyện tới năm 14 tuổi về tập viết, tập đọc và tập làm toán. Sau đó tới năm 18 tuổi là thời gian theo học phần thể dục, chuyên rèn luyện thân thể.

Thời gian đầu của Plato là những năm tàn phá do trận chiến tranh Peloponnesian mang tới. Do còn quá trẻ, Plato chưa được làm quen với chế độ dân chủ đế quốc (imperial democracy) của Pericles cũng như phong trào ngụ biện (sophistic movement), nhưng do những người trong họ hàng như Critias và Charmides, hai người bạn cố tri của Socrates, Plato được nghe nói nhiều về nhà Đại Hiền Triết Socrates.

Năm 18 tuổi, Plato học hỏi với các triết gia và các nhà ngụ biện (sophists). Từ năm 20 tuổi Plato theo học Socrates trong 8 năm liền, chấp nhận nền triết học căn bản của Socrates cùng cách tranh luận theo thể văn biện chứng (dialectic style). Đây là cách tìm hiểu sự thật bằng các câu hỏi, câu giải đáp và các câu hỏi kế tiếp. Vì quá ham

thích Triết Học, Plato đã đem đốt hết các tập thơ trữ tình và các bản bi kịch do ông sáng tác lúc thiếu thời.

Trong bức thư thứ bảy, chính Plato đã tự nhận rằng tham vọng ban đầu của ông là Chính Trị. Ông đã tham dự vào hàng ngũ những người hoạt đầu mà Critias là một trong các thủ lĩnh, vì ông mong muốn thiết lập lại công bằng xã hội, tạo dựng hạnh phúc cho toàn dân bằng cách tự sửa lại cá nhân. Nhưng rồi cách bạo hành và chính thể chuyên chế của Hội Đồng Hoạt Đầu và nhất là sự lên án



Socrates một cách bất công đã khiến cho Plato từ bỏ ý định về chính trị. Sau khi Socrates bị bắt uống thuốc độc chết vào năm 399 trước TL, có lẽ vì lo sợ cho sự an toàn của mình rồi lại do lòng công phẫn, Plato cùng vài môn đệ của Socrates đã tới ẩn náu tạm thời tại Megara, nơi đây Plato theo học Euclid, nhà toán học danh tiếng.

Năm 396 trước TL, Plato trở lại thành Athens và theo như luật định, ông phục vụ trong hàng ngũ kỵ binh tham chiến trong trận Corinth và trận này kết thúc bằng sự thất bại của xứ Athens trước xứ Sparta. Vào thời đó, người miền Athens thường hay đi lại nhiều nơi và vì ghé thăm cuộc chiến tranh vừa qua, Plato tìm đường sang Ai Cập. Ông đã mang theo rất nhiều thùng dầu để bán dần khi đi đường. Đầu tiên, ông dừng lại tại Crete rồi Cyrene. Ở nơi này ông nghiên cứu Toán Học với Theodorus, sau đó có lẽ vào năm 390, Plato mới tới Ai Cập. Tại Heliopolis, Plato đã học hỏi về Thiên Văn, Tôn Giáo và Hiến Pháp. Nhờ thời gian sống tại Ai Cập, Plato đã quan sát kỹ lưỡng các phong tục rồi suy tưởng và sau này, ông đã bàn luận về những điều này trong các tác phẩm của ông.

Sau khi rời Ai Cập, Plato sang Đại Hy Lạp, tới Tarentum và quen với Archytas. Thời gian lưu trú tại Tarentum đã giúp cho ông rất nhiều nhờ trao đổi tư tưởng với Archytas là một nhà triết học kiêm chính khách, một người đã thành công trong việc duy trì tại Tarentum một chính phủ có quyền hành đặt nền tảng trên Khoa Học và Triết Học.

Các cuộc đi xa đã giúp cho Plato nhiều cơ hội làm quen với một số nhà sáng lập ra vài trường phái học thuật như Pythagoras, Heraclitus cũng như các nhà triết học Eleatic. Từ những nhận xét thực tế và các điều học hỏi từ Socrates, cộng với sở thích liên quan tới các vấn đề chính trị, Plato đã đi tới kết luận rằng chỉ những người có kiến thức và các phẩm chất đạo đức mới đáng được giao phó quyền lực để điều khiển các người khác. Lý tưởng triết học của Plato đang cần có các cơ hội để áp dụng.

Vào thời bấy giờ, xứ Sicily đang chìm đắm trong một hoàn cảnh chính trị hỗn loạn. Dionysius đã thành công trong việc lật đổ nền cộng hòa và thiết lập tại Syracuse một chế độ chuyên chế. Dion, một người học trò và cũng là bạn của Plato, đã thúc dục Plato nên đảm nhận việc giáo dục Dionysius, đồng thời bạo chúa của thành Syracuse này cũng mời ông qua Ý Đại Lợi. Đây là một cơ hội để Plato thử áp dụng lý thuyết về chính quyền vào một hoàn cảnh thực tế. Plato tới Syracuse, được triều đình của nơi này coi như thượng khách. Về sau có lẽ do sự trả lời bạo chúa một cách vụng về hoặc vì tình bằng hữu của Plato đối với Dion mà ông bị bạo chúa ghét bỏ. Plato bị tống giam và bị trao cho viên thuyền trưởng Pollis, người xứ Sparta. Pollis đã bán Plato tại Egina như một tên nô lệ. Plato được Anniceris, một nhân vật thuộc trường phái triết học Cyrenaic, chuộc ra với giá 20 mines. Ông trở lại thành Athens vào năm 387.

Trong thời gian này, nhiều môn đệ của Socrates đã thiết lập các trường học. Plato cũng muốn giảng dạy về Triết Học và Khoa Học. Ông liền thiết lập ngôi trường “Academos” tại đầu kinh thành, gần Clone. Ngoài Triết Học, nhà trường còn chú trọng tới Khoa Học, Luật Pháp, Thiên Văn, Sinh Học, Toán Học và Lý Thuyết Chính Trị. Ngôi trường này có thể coi là một trường Đại Học chuyên đào tạo các học viên đủ khả năng cai trị theo đúng Pháp Luật. Trường “Academos” hay “Hàn Lâm Viện” có ban giảng huấn gồm các giáo sư chuyên khoa như Theatetus, ông tổ của môn học không gian. Nhờ các bậc thầy tài giỏi, nhà trường nhanh chóng tạo được các kết quả tốt đẹp, học trò từ bốn phương đổ về theo học rất đông. Aristotle đã là học viên xuất sắc nhất của trường. Trường Academos nổi danh hơn cả ngôi trường của Isocrates. Trường Academos tiếp tục hoạt động trong hơn 8 thế kỷ, là một trung tâm nghiên cứu và phổ biến nền triết học của Plato (Platonic philosophy). Tại trường học này, Plato thường diễn giảng mà không cần tới bản thảo và các “bài toán” được đề nghị cho các sinh viên cùng nhau giải

đáp. Trong thời gian giảng dạy, Plato đã viết ra nhiều tác phẩm văn đáp (dialogues), phần lớn những tài liệu giảng huấn này đã được lưu trữ và dịch sang nhiều ngôn ngữ. Vài tác phẩm lừng danh ban đầu của Plato gồm: Charmides, Euthyphro, Ion và Laches,

Qua năm 366 trước Tây Lịch, khi đang nổi tiếng là người đứng đầu ngôi trường Academos, Plato lại được Dion mời qua làm ổn định tình hình chính trị tại thành Syracuse. Vào thời gian này, Dionysius Già đã chết, Dionysius Trẻ (Dionysius the Younger) lên thay thế khi gần 30 tuổi. Vì bị cha ngăn cách với chính trị, Dionysius Trẻ đã sống một cuộc đời lêu lổng. Dion đã mời Platon vì muốn danh tiếng của ông có thể làm cho Dionysius Trẻ kiên nhẫn, vì muốn nhà đại hiền triết đảm nhiệm việc giáo dục vị vua còn trẻ này, và cũng vì muốn tránh sự lấn quyền của xứ Carthage trên đất Sicily.

Do tình bạn với Dion, Plato miễn cưỡng phải sang Syracuse nhưng khi đến nơi, Dion đã bị lưu đày, Vua Dionysius Trẻ đã đón tiếp Plato rất huy hoàng nhưng lại không chịu để Plato hướng dẫn, cũng như từ chối các lời khuyên bảo. Không biết vì sao, Dionysius Trẻ đã lưu giữ được nhà đại hiền triết trong gần một năm trường và chỉ để ông ra đi với lời hứa sẽ trở lại. Trở về Athens, Plato tiếp tục dạy học. Trong thời gian này, ông đã soạn các cuốn sách đặc sắc như The Republic, The Sophist và Theaetetus...

Tới năm 361 trước TL, Dionysius Trẻ phái một con tâu qua xứ Athens, nhắc lại lời hứa khi xưa và mời Plato sang Syracuse. Dionysius còn hứa sẽ đón Dion trở về từ nơi lưu đày. Plato đã nhận lời vì nghĩ tới Dion, vì muốn khuyên nhủ Dionysius “*đừng nô lệ hóa Sicily hay áp chế một xứ sở nào mà phải cai trị nơi đó bằng Luật Pháp*”. Plato đã được Dionysius đón tiếp tại Syracuse một cách rất nồng hậu nhưng mặc dù những lời tha thiết của Plato, Dion vẫn không được trả tự do. Hơn nữa, bạo chúa này còn từ chối “*thi hành một cách ngay thẳng*” và đã không để cho “*Triết Học và quyền hành thực sự gặp nhau*”. Plato muốn bỏ

ra về một lần nữa, ông bị bắt giam. Sau nhờ Archytas of Tarentum can thiệp, ông mới được phép rời khỏi Syracuse.

Trở về Athens, Plato nhất định không bao giờ dính líu vào chính trị nữa mặc dù nhiều học viên thuộc trường Academos của ông đã gia nhập vào công cuộc viễn chinh của Dion chống lại Dionysius vào năm 357 mà kết quả là sự sụp đổ của chế độ bạo tàn.

Trong các năm cuối đời, Plato sống tại thành Athens và đã soạn ra các tác phẩm như Timaeus, Crito và cuốn sách dang dở The Laws. Plato qua đời vào năm 348 hay 347 trước Tây Lịch, giữa thời kỳ nước Hy Lạp bị Philip II, vua miền Macedonia, xâm chiếm.

2/ Các tác phẩm của Plato.

Các tác phẩm còn lưu truyền tới ngày nay của Plato gồm 35 tập đối thoại (dialogues) và 13 bức thư, một số tập này và bức thư bị nghi ngờ về tính đích thực. Đối thoại là một hình thức viết văn trong đó trình bày hai hay nhiều nhân vật, đặt ra một vấn đề, bàn luận các chỉ trích và các tương phản giữa các ý tưởng triết học. Các nhân vật trong tác phẩm với các cá tính khác nhau, quan điểm khác nhau đã thảo luận cũng như tranh cãi cùng nhau về nhiều mặt đối nghịch của một đề tài. Plato đã dùng phương pháp biện chứng của Socrates để trao đổi các ý tưởng. Trong các đối thoại, Socrates đã gặp gỡ một người tự cho là hiểu biết nhiều, đặt các câu hỏi cho người này rồi dần dần đưa tới phần kết luận là người này chưa đủ hiểu biết. Socrates như vậy đã hiện dẫn ra như một người khôn ngoan (the wiser) bởi vì ít nhất, ông ta đã biết rằng ông không biết gì cả.

Các tập đối thoại ban đầu của Plato gồm tác phẩm Charmides, một cố gắng định nghĩa sự điều độ (temperance), tác phẩm Lysis thảo luận về tình bạn (friendship), Laches là cuốn sách đi tìm ý nghĩa của lòng cam đảm, Protagoras bảo vệ luận đề cho rằng đức tính là kiến thức (virtue is knowledge) và sự kiện này có thể giảng dạy được, tác phẩm Euthyphro khảo sát bản chất của lòng tôn kính (the nature of piety) và tập I của cuốn The

Republic (*Nền Cộng Hòa*), một khảo sát về công lý (justice).

Các tác phẩm viết ra trong các thời kỳ giữa cuộc đời của Plato đã phản ánh cách phát triển triết học, dù cho Socrates vẫn còn là nhân vật trong đa số các đối thoại. Thuộc thời kỳ giữa là tác phẩm Gorgias, một khảo sát nhiều câu hỏi đạo đức (ethical questions), Meno thảo luận bản chất của kiến thức (knowledge) còn trong tác phẩm Apology, Socrates tự biện hộ tại tòa án chống lại lời buộc tội vô thần (atheism) và tội làm hư hỏng giới trẻ của thành Athens, tác phẩm Crito là lời bào chữa của Socrates về việc tuân theo các luật lệ của quốc gia, Phaedo mô tả cảnh tử trần của Socrates và trong tác phẩm này, Plato đã thảo luận lý thuyết “*Hình Thức*” (the theory of Forms), bản chất của linh hồn (soul) và câu hỏi về tính bất tử (immortality). Tác phẩm Symposium là một công trình xuất sắc gồm nhiều bài nói chuyện về vẻ đẹp và tình yêu, The Republic (*Nền Cộng Hòa*) là một công trình lớn lao, khảo cứu môn chính trị và đây là một thành quả triết học xuất sắc qua đó Plato thảo luận từng chi tiết bản chất của công lý (justice), đặt ra các câu hỏi như “*thế nào là một quốc gia chính đáng*” (what is a just state), “*thế nào là một cá nhân chính đáng*” (what is a just individual).

Các tác phẩm thuộc thời kỳ cuối cuộc đời của Plato gồm: Theaetetus, một phủ nhận điều cho rằng kiến thức do các cảm nhận giác quan, Parmenides là tác phẩm lượng giá lý thuyết “*Hình Thức*” (the theory of Forms), Sophist là cuốn sách xét lý thuyết về các ý tưởng (the theory of Ideas), Philebus thảo luận sự liên hệ giữa khoái lạc và điều tốt lành (pleasure and the good), Timaeus cho thấy quan điểm của Plato về Khoa Học Thiên Nhiên và Vũ Trụ Học, và tác phẩm The Laws (*Luật Pháp*) đã phân tích thực tế các vấn đề chính trị và xã hội.

3/ Tác phẩm “*Nền Cộng Hòa*” của Plato.

Danh từ “*Nền Cộng Hòa*” mà Plato sử dụng mang ý nghĩa một xã hội dân sự (a civil society)

hay một đất nước (a state) mà không ám chỉ tới một chính quyền có đại diện (representative government) hay một hình thức chính quyền theo hiến pháp.

Vào thời đại của tác giả, xã hội Hy Lạp còn là một nơi coi trọng người đàn ông và tác giả Plato đã là sinh viên thuộc thế kỷ thứ 5 trước Tây Lịch của nhà triết học Socrates (v.k. năm 469 – 399 trước TL). Socrates thường hay đặt các câu hỏi cho nhiều người, rồi sau đó thêm vào các câu hỏi phụ căn cứ vào các câu trả lời của những người đối thoại, để dẫn tới cách định giá (đúng hay sai) các giá trị và niềm tin của các người đối thoại.

Phương pháp của Socrates, còn được gọi là phương pháp “*biện chứng*” (dialectic) đã gây nên nhiều kẻ thù bởi vì họ bị bối rối, bị dẫn tới các câu kết luận mà họ không ưa thích. Nhà triết học Socrates sau đó đã bị kết án, phải uống thuốc độc vào năm 399 trước TL vì tội làm hư hỏng các thanh niên của thành phố Athens, tức là đã gợi lên trong những người trẻ này các ý tưởng chính trị và xã hội không được nhiều người chấp nhận.

Plato đã dùng nhân vật giả tưởng Socrates trong cuốn sách, khi thảo luận với các người quen biết, tại căn nhà của Cephalus nằm trong thành phố Piraeus và đây là thành phố hải cảng thuộc phía nam của thủ đô Athens, xứ Hy Lạp. Cephalus là một thương gia cao tuổi, giàu có và đã về hưu. Đã có vào khoảng hơn 10 người tụ họp nhân một ngày nghỉ lễ của nữ thần Bendis.

Các nhân vật trong đối thoại gồm:

- Glaucon: một người trẻ tuổi, nhạy cảm, linh lợi nhưng còn thiếu chiều sâu tư tưởng.

- Adeimantus: một công dân biết tranh luận vững chắc. Glaucon và Adeimantus là hai người anh của Plato, họ thường đặt ra các câu hỏi quan trọng trong các đối thoại với Socrates.

- Polemarchus: con trai của chủ nhà Cephalus, là người trả lời mau lẹ nhưng không suy nghĩ rõ ràng.

- Thrasymachus: một nhà ngụ biện (a sophist), tức là một nhà giáo về triết học, ngôn

ngữ và tu từ pháp (rhetoric), thường hay chê riếu Socrates.

Vào thời đại đó, các nhà ngụ biện (sophists) là những người có một thứ kiến thức bách khoa, hiểu biết nhiều nền văn hóa và tin tưởng rằng: (a) kiến thức do kinh nghiệm mà có, (b) kiến thức về sự thật (knowledge of truth) thì khác nhau với mỗi người. Các nhà ngụ biện đã huấn luyện cho người dân Athens nói năng rõ ràng và hùng hồn. Socrates đã phản đối họ, vì họ có thể làm cho điều không đúng (unjust) có vẻ đúng (just), điều xấu có vẻ tốt. Trong tác phẩm “Nền Cộng Hòa”, Plato là nhân vật ẩn khuất sau những lời biện hộ của nhân vật Socrates.

Nền Cộng Hòa là cuốn sách được phổ biến nhất và có lẽ nổi tiếng nhất trong các đối thoại của Plato. Đây không phải là một cuốn tiểu thuyết hay một vở kịch, nó không có cốt truyện (plot), tất cả các thảo luận đã xảy ra trong một căn phòng. Nền Cộng Hòa không phải là một khảo cứu khô khan về triết học, nó gồm các ý tưởng (ideas), các lý luận (arguments) nhưng lại là một cách phối hợp của văn chương, bi kịch (drama) với triết học, và nhờ tác giả Plato, những gì trừu tượng (abstract) đã trở nên linh hoạt (alive) và mang kịch tính (dramatic).

Nền Cộng Hòa là tác phẩm cứu xét về “đời sống tốt lành” (the Good Life) và Plato có vẻ như tin tưởng rằng chỉ có thể theo đuổi một đời sống hoàn toàn (a perfect life) trong các điều kiện hoàn toàn tức là trong một xã hội hoàn toàn, một đất nước lý tưởng (an Ideal State). Ý tưởng về đất nước lý tưởng này có thể giống như một thể chế quân chủ được khai sáng (an enlightened monarchy) và không phải là một thể chế cộng hòa như hiện nay.

Phần lớn tác phẩm dành cho công việc thảo luận về giáo dục (education), cũng có phần nói về nghệ thuật và văn chương, nhưng phần quan trọng nhất và là phần trung tâm của các đối thoại thuộc về “thuần túy triết lý” (pure philosophy) hay “siêu hình” (metaphysics).

Tác phẩm “Nền Cộng Hòa” gồm 10 cuốn sách (10 Books):

- Sách 1: Bản chất của sự công bằng (justice)

- Sách 2-4: Sự công bằng trong đất nước và trong cá nhân.

- Sách 5-7: Nhà Vua Triết Học (the Philosopher-King).

- Sách 8: Sự suy thoái của xã hội.

- Sách 9: Người chân chính (the just man) thì hạnh phúc hơn người không chân chính (the unjust man).

- Sách 10: Nghệ thuật, sự bất tử của linh hồn, truyền thuyết của Er.

Trong Sách 1, Polemarchus cho rằng sự công bằng (justice) là trả lại thứ gì thuộc về người chủ nhưng Socrates đã đặt câu hỏi khiến cho Polemarchus đã đổi định nghĩa về sự công bằng thành ra ý nghĩa giúp đỡ các bạn bè và làm hại các kẻ thù. Socrates lại lý luận rằng bởi vì sự công bằng là một đức tính (a virtue) nên không thể làm hại kẻ khác, vì vậy Polemarchus đã công nhận rằng định nghĩa về công bằng của ông ta còn chưa hoàn hảo.

Thrasymachus, vốn là một nhà tu từ học (a rhetorician), cho rằng sự công bằng là lợi dụng kẻ yếu, vì thế các nhà cai trị đã làm ra luật pháp vì tư lợi và gọi đó là sự công bằng; đức tính và sự khôn ngoan (wisdom) là các tài khéo (skills) và khả năng thực hiện các điều không công bằng. Ông ta lý luận rằng các kẻ không chân chính (the unjust) thì hơn các kẻ chân chính (the just) về tính chất và trí thông minh, sự bất công mang lại sức mạnh, hạnh phúc, phúc lợi.

Mặt khác, Socrates lại cứu xét vấn đề quan trọng, đó là: không xét về một người có bao nhiêu tài sản hay quyền lực, mà là người đó thực hiện hạnh phúc ra sao. Nhà triết học nhấn mạnh tới phần quan trọng của cá nhân, đó là linh hồn của người đó (his soul). Nếu một linh hồn không chân chính, người đó sẽ không có hạnh phúc.

Trong Sách 2- 4, Thrasymachus tin tưởng rằng phần lớn mọi người đều ích kỷ và hiếu chiến, và các người yếu đã dùng luật pháp để kiềm chế các kẻ mạnh. Socrates thì cho rằng sự công bằng không những đã mang lại các

phần thưởng mà tự nó còn là một điều tốt lành. Một đất nước thành phố (a city-state) cần tới một giới chiến sĩ (a class of warrior) hay giới bảo vệ (the guardians) để che chở đời sống tốt lành của người dân. Sự giáo dục giới chiến sĩ này rất cần thiết. Không nên dạy cho họ các huyền thoại hay các câu chuyện về các hình ảnh xấu của thần thánh (gods). Âm nhạc và huấn luyện thân thể cần phải đơn giản và không nhiều. Tất cả phải cân bằng (in balance). Giới bảo vệ cần được giáo dục cho tới tuổi 20, những người vượt qua được các kỳ thi sẽ trở thành những nhà cai trị (rulers), những người khác là người trợ giúp, tất cả được xếp hạng theo tài năng (talents).

Socrates cho rằng giống như một thành phố, một linh hồn có ba phần: lý trí (reason), tinh thần (spirit) (hay các cảm xúc như sợ hãi, tức giận) và lòng ham muốn (appetite), chẳng hạn như các nhu cầu về ẩm thực, sinh lý, lòng tham tiền bạc và quyền lực. Khi lý trí và tinh thần kiểm soát lòng ham muốn, sẽ có các hành động công bằng và sự bất công sẽ xảy ra khi lòng ham muốn kiểm soát ngược lại.

Sách 6-7 bàn luận về nhà vua triết học. Socrates cho rằng người nam mạnh hơn và có khả năng hơn người nữ nhưng sự khác biệt này không liên hệ tới chính trị. Đối với xã hội, Socrates xác nhận rằng một nhà triết học nên cai trị xứ sở bởi vì chỉ có các triết gia là biết phân biệt giữa thế giới thực (the real world) và các thể hiện (appearances). Một nhà vua triết học cần tới cách huấn luyện đặc biệt. Sau nên giáo dục dành cho giới bảo vệ, nhà vua cai trị tương lai phải trải qua 15 năm để học hỏi thêm toán học và đạo đức (moral philosophy) bởi vì mục đích tối thượng của nhà cai trị là kiến thức về điều tốt lành (the knowledge of the Good). Điều tốt lành, giống như mặt trời, là nguồn sáng khiến cho người ta nhìn thấy sự vật.

Socrates đã dùng tới “Câu chuyện biểu tượng của hang động” (the Allegory of the Cave) để mô tả sự đi lên của tâm hồn (the mind’s ascent). Hãy tưởng tượng một số tù nhân bị xiềng xích, sống trong một hang động, cổ và chân của họ bị khóa chặt, khiến cho họ

chỉ có thể nhìn về phía trước. Đằng sau họ là một ngọn lửa lớn và trước ngọn lửa là các con người, thú vật và đồ vật, tất cả được ngọn lửa chiếu lên trên vách và các tù nhân chỉ có thể nhìn thấy các hình bóng đen chiếu lên trên vách đó. Bây giờ, nếu một tù nhân được mở khóa và được dẫn ra khỏi hang động, anh ta sẽ bị lóa mắt vì ánh sáng và rồi sẽ nhận ra rằng mặt trời mới thực là nguồn sáng. Người tù kể trên sẽ nhận thực được rằng quyền lực (power) và uy tín (prestige) chỉ là các hình bóng vô dụng (useless shadows).

Sách 8 đề cập tới sự suy đồi của xã hội. Socrates đã mô tả 4 loại thành phố bị hư hỏng (corrupted) và các nhà cai trị liên hệ. Trong “chế độ phú hào” (timocracy), nhà cai trị đã ham danh vọng (honor), khi đó quân đội chế ngự thành phố và giáo dục, nghệ thuật suy yếu đi. Sự ham muốn tiền bạc đưa tới “chế độ hoạt đầu” (oligarchy), đất nước bị cai trị do nhóm người giàu có và sẽ có sự cách biệt giữa kẻ giàu và người nghèo. Chế độ hoạt đầu này yếu dần do lòng tham và người nghèo sẽ nắm quyền kiểm soát và kết quả là sẽ có “chế độ dân chủ” (democracy) trong đó mọi ham muốn sẽ đồng đều. Cuối cùng, thể chế “vô chính phủ” (anarchy) là do lòng tham muốn tự do (love of liberty), sẽ dẫn tới “chế độ độc tài” (dictatorship) hay “nền bạo chúa” (tyranny).

Sách 9 xác nhận rằng người chân chính (the just) thì hạnh phúc hơn người không chân chính (the unjust). Socrates đã dùng hình ảnh của nhà độc tài để mô tả điều kể trên. Ông cho rằng mọi người đều có các dục vọng (desires) cần thiết và không cần thiết. Nhà độc tài dù cai trị như thế nào, cũng không có các bạn hữu và luôn luôn phải canh chừng các kẻ thù, bởi vì có lạc thú (pleasure) khi linh hồn do lý trí điều khiển và nhà độc tài là người không chân chính (unjust) nên không có lạc thú này. Ngoài ra, Socrates còn nhấn mạnh rằng sự công bằng (justice) mang lại nhiều hạnh phúc hơn sự bất công.

Sách 10 liên quan tới nghệ thuật, sự bất tử của linh hồn và truyền thuyết về Er. Trong cuốn sách này, Socrates không tin tưởng vào nghệ

thuật (art) vì cho rằng thứ này làm cho con người nhâm lẫn vẻ ngoài với hiện thực (reality) và ảnh hưởng tới cảm xúc khiến cho lý trí bị gạt sang một bên. Socrates cũng xác nhận rằng sự bất công (injustice) là điều xấu của linh hồn. Theo Socrates, các linh hồn sẽ không bao giờ chết đi và sau một đời sống lương thiện, các linh hồn sẽ được tưởng thưởng.

Socrates đã kể về truyền thuyết của Er (the Legend of Er). Er là một chiến sĩ can đảm, đã chết ngoài mặt trận nhưng trong khi thi thể còn nằm trên dàn thiêu thì Er đã sống lại và kể cho mọi người nghe về những gì anh ta nhìn thấy ở thế giới bên kia.

Sau khi linh hồn của anh ta rời khỏi xác, anh ta đã bay đến một nơi xa lạ nằm giữa đất và trời. Có hai pháp quan (judges) ngự trị tại nơi này. Các linh hồn chân chính (just soul) khi tới trước pháp quan, sẽ được đưa về cửa bên tay phải để được dẫn tới thiên đường, hưởng một cuộc sống hạnh phúc, còn các linh hồn không chân chính bị đưa qua cửa bên trái, dẫn tới trung tâm của trái đất để rồi phải trả gấp 10 lần các tội lỗi khi trước. Các linh hồn quá xấu xa, như của các kẻ giết người, các bạo chúa, sẽ không bao giờ được phóng thích. Sau bảy ngày, anh chàng Er với các linh hồn khác đã đến trước các thần định mệnh (the Fates) là thần có quyền cho các linh hồn những thân thể mới. Mỗi linh hồn được quyền chọn lựa đời sống của mình. Sau khi đã chọn lựa rồi, các linh hồn uống nước của Giòng Sông Quên Hết (the River of Lethe) nhưng Er đã không uống thứ nước đó. Sau một trận động đất lớn, các linh hồn được đưa đi tái sinh nhưng vào lúc này, anh chàng Er tỉnh dậy và thấy mình nằm trên dàn thiêu.

Trở về cuốn sách “Nền Cộng Hòa”, bằng cách dùng “Câu chuyện biểu tượng của hang động”, Plato đã mô tả bóng tối (darkness) là sự ngu dốt (ignorance), nhờ vào nền giáo dục mà con người được dẫn tới kiến thức là thứ giống như ánh sáng (light = knowledge), với cách suy luận đi từng bậc, từ bậc 1 = trí tưởng tượng (imagination), qua bậc 2 = niềm tin (belief), hai giai đoạn học hỏi này thuộc về ý

kiến (opinion). Bước sang bậc 3 = lý luận (reasoning) và bậc 4 = hiểu biết (understanding), đây là giai đoạn của kiến thức.

Đối với công việc học hỏi về vật thể (objects), con người phải trải qua giai đoạn 1 = hình ảnh (images), giai đoạn 2 = vật thể (objects), giai đoạn 3 = toán học (mathematics) và giai đoạn 4 = hình thức (the Forms).

Plato tin rằng các vật thể (objects) mà chúng ta nhìn thấy được chỉ là bản sao (copies) của các mẫu (patterns) không thay đổi, bất diệt (eternal). Những mẫu này được gọi là các hình thức (the Forms). Hình thức thì trừu tượng và không có cỡ, có chiều (nondimensional), chỉ có trong ý tưởng (idea), được biểu hiện do trí óc mà không bằng giác quan (senses).

Khi bàn về triết lý chính trị (political philosophy), Plato cho rằng đất nước do các cá nhân tạo nên, nên phản ảnh các đặc tính của các cá nhân này. Có 3 loại người trong xã hội, giống như 3 phần của linh hồn: (a) giới thợ thủ công (craftsmen) tượng trưng cho phần ham muốn (appetite), (b) giới bảo vệ (guardians) là phần tinh thần (spirit), còn (c) giới cai trị (rulers) đại diện cho phần lý trí (reason). Công lý chỉ được thực hiện khi cả ba phần này hoàn thành công việc của mình và chính quyền sẽ trở nên thối nát khi bị thúc động do lòng ham muốn tiền bạc.

Cũng theo Plato, vai trò chính yếu của nhà triết học (the philosopher) là giáo dục dân chúng. Nhà triết học có thể phân biệt giữa các bóng tối và các hiện thực, và nền giáo dục đã dẫn dắt nhà cai trị (the ruler) qua các trình độ kiến thức. Platon tin rằng nhà triết học phải nhận lãnh trách nhiệm cai trị để cho công lý (justice) được thi hành trên đất nước.

Nền Cộng Hòa là cuốn sách liên quan tới công việc tạo nên một xã hội lý tưởng bởi vì tác phẩm này đã đề cập tới các đề tài đạo đức, chính trị, giáo dục, nghệ thuật và thế giới vật lý bên ngoài. Tác phẩm này cũng tìm cách định nghĩa về nhà triết học, đặt vấn đề liên quan tới sự cảm nhận hiện thực (reality) của

chúng ta cũng như mô tả nhiều loại định chế (institutions) cùng với các ưu và khuyết điểm.

4/ Ảnh hưởng của nhà Đại Hiền Triết Plato.

Sau khi Plato qua đời, người cháu của ông tên là Speusippus trở thành Viện Trưởng của trường Academos. Trường Đại Học này tiếp tục hoạt động cho tới năm 529 sau Tây Lịch, khi Hoàng Đế Byzantine là Justinian I ra lệnh đóng cửa vì cho rằng trường phổ biến các lời giảng dạy tà giáo (pagan teachings). Tuy nhiên ảnh hưởng của Plato đã được lan truyền khắp nơi. Nền triết học của Plato đã thể hiện qua tác phẩm của Philo Judaeus, nhà triết học Do Thái, cư ngụ tại thành Alexandria vào thế kỷ thứ 1 sau Tây Lịch. Vào thế kỷ thứ 3, nhà triết học Plotinus đã khai triển nền triết học Plato-Mới (Neoplatonism) tại kinh thành Rome. Các nhà thần học Clement of Alexandria, Origen, Boethius và Thánh Augustine là những người chịu ảnh hưởng của nền triết học Platonic đồng thời các ý tưởng của Plato đã đóng vai trò chính yếu trong việc phát triển nền thần học Thiên Chúa giáo (Christian theology) cũng như các tư tưởng Hồi giáo (Islamic thoughts) của thời Trung Cổ.

Qua thế kỷ 13, Aristotle đã là nhà triết học Cổ Hy Lạp gây nên nhiều ảnh hưởng mạnh nhất trong thế giới tư tưởng Thiên Chúa giáo nhưng bước sang thời kỳ Phục Hưng (the Renaissance), Hàn Lâm Viện Florantine do gia đình Medici thiết lập, lại chú trọng vào nền triết học của Plato. Được thành lập vào thế kỷ 15 gần thành phố Florence, các nhân viên của Hàn Lâm Viện này dưới sự điều khiển của Marsilio Ficino, đã nghiên cứu các tác phẩm của Plato viết bằng tiếng Hy Lạp.

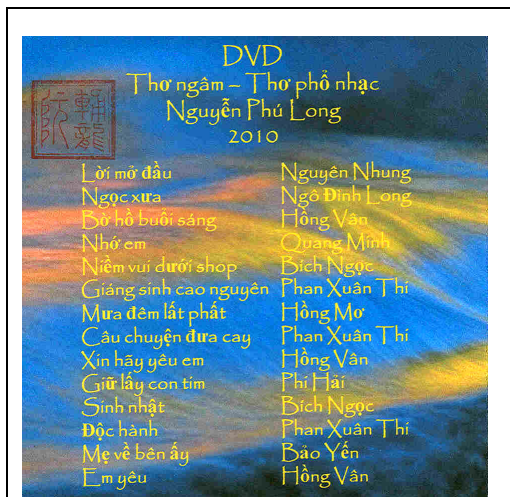
Tại nước Anh, học thuyết của Plato đã sống lại vào thế kỷ 17 do Ralph Cudworth và các người cộng tác, những học giả này được gọi là The Cambridge Platonists (nhóm theo Plato thuộc trường Đại Học Cambridge). Họ cố công dùng các lời giảng dạy của Plato và cách diễn đạt của nhóm Neoplatonist để làm hòa hợp lý trí (reason) với tôn giáo. Qua thế kỷ 20, các nhà tư tưởng như Alfred North

Whitehead cũng nghiên cứu và phổ biến các công trình của Plato.

Các tác phẩm đối thoại của Plato đã được dịch sang nhiều ngôn ngữ khác nhau và được phổ biến bằng nhiều ấn bản. Một trong các bản dịch được nhiều học giả biết tới nhất là của ông Benjamin Jowett, thuộc trường Đại Học Oxford, nước Anh./.

Phạm Văn Tuấn

(Virginia)



Tam Cá Nguyệt San Cổ Thơm hân hạnh nhận được DVD 14 bài thơ chọn lọc của THI SĨ NGUYỄN PHÚ LONG do nhiều nhạc sĩ phổ nhạc, với những giọng ca ngâm điệu luyện trình bày và những hình ảnh quê hương tuyệt vời gợi nhớ gợi thương.. Xin chân thành cảm tạ Thi Sĩ Nguyễn Phú Long và giới thiệu cùng quý vị độc giả. Liên lạc:

MR. NGUYỄN PHÚ LONG

11617 Norwich Pkwy,

Glen Allen, VA 23059 - USA

Tel 804 360 1394.

<luongquan1@yahoo.com>

VÂN THƠ TƯỚNG NIỆM QUỐC TỔ HÙNG VƯƠNG

Theo đất chuyển dòng thời gian bát ngát,
Hương ngàn xưa trên bốn ngàn năm qua.

Nhớ nguồn Hồng gốc Lạc,
Nhìn đất trời bao la.

Cuối xuân mùa hoa kết quả,
Đình ninh ngày mười tháng ba.
Thu, Đông lẫn lửa năm qua,
Cho chim nhớ tổ, cho ta nhớ nguồn.
Mở trang lịch sử vàng son,
Lắng nghe tâm khảm rộn ràng nhớ nhung.

Ngàn xưa Mẹ là Tiên non Bắc,
Ngàn xưa Cha là Rồng biển Đông.
Góp mặt nhân hoàn trăm trứng nở,
Bốn bàn tay dựng núi khai sông.

Lâm Thao nhớ về thuở ấy,
Gió lên vi vút ngàn lau.
Nam Quan bắt đầu từ đấy,
Thênh thang bước tiến Cà Mau.

Giữa hội trường khắp năm châu,
Việt Nam nay đã tươi mầu địa danh.
Phương trời ngùi cảnh viễn trình,
Nhớ ơn tiên tổ nào tình tha hương!

Một khối tâm thành quỵện khói hương,
Hướng về mười tám tổ Hùng Vương.

Văn Lang nước cũ công khai sáng,
Rực rỡ muôn trang sử thiếp vàng.

Trùng Quang

*

ĐƯỜNG CHIỀU

Đường chiều quanh mấy ngã
Bóng xế tà tà vầy
Tuổi đời cao chổng chất
Ngày nào đi ?- ai hay !

Bạn bè ngày một ít
Nhớ khi còn tù đầy
Chia nhau từng ngụm nước
Sao bây giờ chia tay !

Trời chiều dần dần lặn
Buồn vác nặng đôi vai
Hồn non sông chưa trả
Hoang phí cả đời trai

Quê hương còn xa thăm
Đường đi bao nhiêu dài ?
Gửi hồn về cố xứ
Bao giờ có ngày mai !

Maryland, 3- 2010

Đăng Nguyên

Năm Canh Lục Đục

Nguyễn-Phú-Long

Đêm qua anh đến chơi đây,
Giày giôn anh diện, ô tây anh cầm
Canh tư bước sang canh năm
Anh dậy, em vẫn còn nằm trơ trơ
Hỏi ô, ô mắt bao giờ
Hỏi em em những ỡm ờ không thừa
Rày mai ngày nắng ngày mưa
Lấy gì đi sớm về trưa với tình...

Bài thơ của Trần Tế Xương trên đây rất phổ biến, thật nhẹ nhàng lãng mạn. Nó lãng mạn cách kín đáo dù đã nêu lên hình ảnh có trai có gái cùng mấy câu đối thoại thân mật, đùa giỡn, trách móc, bịn rịn đầy tình tứ.

Sự liên hệ giữa hai nhân vật anh và em trong bài thơ thế nào nhỉ? Thử đoán coi. Đúng hay sai cũng chẳng quan trọng gì. Đọc qua, phần đông số người có thể sẽ nghĩ ngay đến hình ảnh một bên là các quan viên đi giày giôn, cầm ô tây, hào hoa phong nhã, mang một bụng đầy văn chương thi phú, một bên với nhà hát ả đào, êm đềm chướng rủ màn che, thấp thoáng các nàng ca kỹ vấn khăn vành giày, mặc quần lĩnh trắng, đàn ngọt hát hay.

Sự liên hệ giữa em và anh thế đấy! Biết hay không biết cũng chẳng sao đâu, có thể mới hôm qua anh đến chơi đây là lần đầu, có thể con đường tới thăm em đã mòn lối cỏ từ lâu, và quan trọng là mỗi khi gặp gỡ, thực sự cả anh và em đều háo hức nhiệt tình thủ tục để qua một đêm là chương trình cạn kiệt chẳng còn gì mới mẻ đãi đằng nhau nữa, sự nôn nóng hừng hực qua đi như cơn lốc, nhưng đâu phải vì vậy

mà mới đầu canh năm anh đã lục đục dậy rồi, làm em cũng tỉnh ngủ, thao thức, bèn dẫu cái ô tây như thăm trách anh chẳng nghĩ đến chút tình “đêm nằm năm ở”.

Anh đến chơi với giày giôn, ô tây thật là keng. Có thể vì sự lạ-ô đã đánh thức anh dậy sớm, cũng có thể anh chẳng muốn để ai biết anh đã tới đây nên mới tỉnh mơ mà đã sửa soạn từ biệt trở về, trong khi em còn nằm trơ trơ một mình, ngẩn ngơ như dở dang chưa xong nhiệm vụ, chưa muốn chấm dứt những phút giây thần tiên tao ngộ.

Hay là anh còn nặng kiếp thư sinh, đêm đêm thường quen giấc trở dậy sớm như thế để dùi mài kinh sử qua mấy lời mời gọi dỗ dành âu yếm của vợ hiền:

Canh tư bước sang canh năm,

Trình anh dậy học chớ nằm làm chi.

Nửa mai chúa mở khoa thi

Bảng vàng chói lọi kia đề tên anh...

Nói cho ngay, giày giôn, ô tây kể ra thì hơi xưa, ngày nay không còn hợp thời nữa, mà sao cũng khiến nhiều kẻ càng đọc càng tằn ngằn tiếc rẻ cho mình sinh bất phùng thời, thật không may chẳng được hòa đồng cùng huynh đệ, bằng hữu, xô đôi giày giôn, cầm chiếc ô tây, nhờn nhờn lội lội trong cái thế giới thanh lịch cao sang ấy.

Canh tư bước sang canh năm là thời điểm còn khuya khoắt. Đây là lúc vừa qua giờ Sửu đầu giờ Dần, Chiếc đồng hồ treo tường vừa thông thả buông ba tiếng, đường phố bên ngoài vắng tanh dưới ánh đèn vàng leo lét, như vậy là hơi sớm quá, cũng theo thi sĩ Trần Tế Xương trong

bài thơ “Chiêm Bao” in nơi cuốn sách “Việt Thi” của Lê Thần Trần-Trọng-Kim thì:

Thiên hạ có khi đang ngủ cả,

Việc gì mà thức một mình ta.

Tuy nhiên động từ “ngủ” và “thức” cũng như ý tưởng trong bài thơ Chiêm Bao đã đi theo một nội dung về hướng khác, thực ra không mang đúng cái nghĩa đen thức ngủ đâu. Lão tiên bố tác giả hai câu thơ thượng dẫn nói riêng và mọi người nói chung chắc chắn đều hiểu vậy và hơn nữa đều thừa biết rằng, bất cứ đêm ngày, nơi đâu, lúc nào mà chẳng có người thức kẻ ngủ, canh khuya lục đục là chuyện bình thường ở khắp mọi nơi.

Cũng như ăn uống, giấc ngủ ban đêm rất quan trọng cho mọi sinh vật, thế mà rất nhiều nơi, nhiều người với nhiều lý do, ban đêm còn đầu tắt mặt tối, lục đục có khi mãi tới canh ba mới được đi nằm.

Canh một dọn cửa, dọn nhà

Canh hai dẹt cửi, canh ba đi nằm.

Đó là chưa kể, vì hoàn cảnh, vì nhu cầu, thời buổi khó khăn, người ta phải chấp nhận những việc mưu sinh ban đêm, ngày này qua ngày khác như các công nhân làm ca, người gác đàn, “đón Giao Thừa một phiên gác đêm”...v...v..

Ngày xưa mình bị ảnh hưởng văn hóa Tàu về nhiều phương diện nói chung, thậm chí cả việc đặt tên, phân chia thời gian cũng vậy. Căn bản thời lượng một ngày vẫn là 24 tiếng đồng hồ, nhưng mấy vị con trời không chia ra 12 tiếng ban ngày (AM) cộng với 12 tiếng ban đêm (PM) một cách khoa học và đồng nhất như hiện tại. Theo nhà nghiên cứu Hồ-Ngọc-Đức họ đi lối khác và gọi đó là âm lịch, đó là loại thiên văn tính toán dựa vào mặt trời, trái đất và cả mặt trăng nữa.

Một giờ tính theo lối ấy bằng 2 tiếng ngày nay, như vậy mỗi ngày chỉ có 12 giờ. Mỗi giờ trong ngày có tên gọi tượng trưng bằng 12 con giáp: Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi.

Bắt đầu là giờ Tý từ 11 PM đến 1 AM. Và cứ thế tuần tự tiếp nối rồi lại trở về...”nửa đêm, giờ Tý, canh ba.”

Theo một bài viết, Hàn-Lâm Nguyễn-Phú-Thứ cho rằng: Cổ lịch của Trung- Quốc từ năm 2637 trước thiên chúa, ban ngày có 7 giờ chia ra thành 6 khắc và ban đêm chỉ có 5 giờ. Năm giờ ban đêm có thể gọi là năm canh, canh 1 thuộc giờ Tuất, canh 2 thuộc giờ Hợi, canh 3 thuộc giờ Tý, canh 4 thuộc giờ Sửu và canh 5 thuộc giờ Dần.

Ban đêm gọi là canh hay giờ cũng được vì thời lượng như nhau.

Ban ngày nên gọi thời gian bằng giờ, ít người dùng khắc vì với 7 giờ mà chỉ có 6 khắc nên mỗi khắc bằng 1 giờ + 1/6 giờ rất khó hình dung.

Ở một vài nước bên Âu Châu và hầu hết giới nhà binh trên toàn cầu người ta cùng quy ước chia một ngày ra 24 giờ nhưng không có AM, PM ngày đêm gì cả. Lúc 1 giờ sáng là 1 giờ, rồi lúc 1 giờ chiều là 13 giờ v...v...

Lại nữa, còn nhớ mẩu chuyện, một người cư ngụ tại bờ biển phía tây Đại-Tây-Dương, đêm khuya đang mơ màng giấc điệp thì nhận cú điện đàm từ bên Âu Châu đại khái như vậy:

- A lô! Paris đây! Khỏe không? Toa đang làm gì thế ?

- Khỏe! Ngủ chứ làm gì.

- Chết chữa, ở bên chắc mới gần 2 giờ sáng nhỉ, bên này moa vừa ăn điếm tâm xong. Ồ xin lỗi nhé.

Tạo hóa an bài, ngày thì sinh hoạt, đêm thì nghỉ ngơi, ngủ để lấy lại sức sau thời gian làm việc nhọc nhằn. Kể gọi điện từ bên Tây làm mất giấc ngủ cần thiết lúc 2 giờ sáng của người bạn vì vô tình quên, rồi ngay lập tức đã nhớ ra là ở mỗi nơi giờ giấc có thể khác biệt nhau.

Mấy lời đàm thoại này rất bình thường, nhất là đối với chúng ta, những kẻ di tản buồn rải rác khắp năm châu từ hồi 1975,

nhưng nó nói lên một điều: thời khắc sáng tối còn tùy theo vị trí ở trên mặt đất nữa. Một cách ngắn gọn, xin hình dung trái đất như quả cam với 24 múi, múi nọ cách múi kia một giờ.

Hai người cách mấy múi giờ,
Kể công kia nọ còn chờ mai sau.
(Trong tập thơ BBNT-2001.)

Nói tóm, vấn đề chia thời gian một ngày như phương Đông quá phức tạp. Đó là chưa kể lại còn tháng nhuận (năm có 13 tháng) rất rắc rối nữa. Ấy thế mà người ta vẫn còn duy trì tới ngày nay trừ nước Nhật Bản dứt khoát chỉ theo tây lịch thôi. Âm lịch còn tồn tại, hấp dẫn phải chăng vì nhiều chiêm tinh gia đã nhìn thấy mối liên hệ, ảnh hưởng hỗ tương giữa số mạng và các vì sao để tiên đoán tương lai qua tử vi nên vẫn dập khuôn đi theo con đường này, chứ riêng việc chỉ định thời điểm thì quả thực nó chẳng hay ho bao nhiêu.

Mà sao ban ngày có 7 giờ, ban đêm chỉ có 5 giờ ? Thực ra ban ngày và ban đêm dài ngắn vẫn thường xuyên thay đổi chứ đâu có cố định như vậy. Nhất là ở vị trí hai cực quả địa cầu. Tục ngữ chẳng có câu “Tháng Năm chưa nằm đã sáng” hay “Tháng mười chưa cười đã tối” là gì!

Ở Hoa-Kỳ, để tiết kiệm năng lượng và để thuận với thiên nhiên, tùy lúc, người ta đã uyển chuyển kéo sớm hoặc đưa lùi thời gian một tiếng đồng hồ cho phù hợp với thực tế đêm ngày phần nào. Chứ giả dụ mới canh một (7 PM) trời mùa hè còn sáng chung chung mà có tiên sinh đã cùng năm bà vợ bắt đầu sinh hoạt như trong bài ca dao sau đây thì...sớm quá.

Đêm năm canh năm vợ ngồi hầu
Vợ cả đun nước, tằm trầu chàng soi,
Vợ hai trải chiếu chia bài
Vợ ba coi sóc nhà ngoài nhà trong
Vợ tư quạt muỗi giăng mùng
Vợ năm thức dậy trong lòng xót xa
Chè thưng, cháo đậu bụng ra

Chàng soi một bát kẻo mà hết gân.

Bài này chép từ internet nó có hai chữ cuối cùng khác với sách của Nguyễn-Văn-Ngọc. Đó là “Công lênh” thay vì “Hết gân”. Tựu chung thì nhiệm vụ của mấy bà vợ trong hai văn bản không có gì khác nhau. Công việc “ngồi hầu” tương đối nhẹ nhàng, không giải nắng giã mưa, good job, có thể đôi khi cũng phải làm over time chút đỉnh không sao. Tuy nhiên trong cuộc sống chung, thế nào cũng có sự “đừng núi này trông núi nọ” sinh ra so sánh, phân bì, niu kéo ngấm ngấm. Như hai câu ca dao:

Anh ơi ngoảnh mặt vào trong,
Sớm mai đi chợ em mua bún với lòng anh ăn.

Bài ca dao kể chuyện về năm vợ vì ông này chỉ có năm vợ! Năm bà được gọi vợ cả, vợ hai, vợ ba...là do tình trạng thâm niên công vụ chứ thực ra “Vợ cả vợ hai, hai vợ đều là vợ cả”.

Trong thiên hạ, nói chung, tùy hoàn cảnh mỗi vị có số vợ nhiều ít khác nhau. Người đạo Hồi có quyền lấy bốn vợ. Lại thấy “Cổ Ông Bảy Vợ” là nhan đề bài ca dao nơi cuốn sách của Đào Thản do nhà xuất bản Văn Hóa Thông Tin ấn hành với hai câu kết thúc có vẻ một lời hối hận muộn màng:

Than rằng đất hứa trời ơi
Trời cho bảy vợ như tôi làm gì!

Hồi xưa, trong giới đại gia, việc tề gia cũng gần như trị quốc. Khác nhau chăng là ở lãnh vực lớn nhỏ mà thôi. Gia trưởng cũng có đất đai để sinh lợi, có luật lệ, có gia nhân để điều hành công việc, để giữ gìn an ninh, đề phòng trộm cướp, và dĩ nhiên là phải có.. vợ. Vợ con là của cải, nên năm nào làm ăn phát đạt, gặt hái được mùa, sau khi vị quản gia búng bàn toán lách cách rồi trình lên bảng tổng kết thu chi thấy rõ lời nhiều hơn lỗ, người ta lại sắm thêm vợ cho...vui!

Người chiến sĩ vô danh trên đây với năm bà vợ an hưởng hạnh phúc, thanh

bình thật là sướng. Hình ảnh cuộc sống của kẻ sinh ra từ trong bọc điều này là nỗi thèm thường của biết bao trai tráng nơi lũy tre xanh, những kẻ ngày ngày âm thầm đổ mồ hôi, đánh trâu ra đồng cấy xâu cuốc bẫm.

Khách quan thì phải công nhận ông là kẻ không những có lực mà còn có tài nên tương đối mới giữ được cảnh êm ấm, yên ổn ngày đêm như thế.

Cũng khách quan, về cuộc sống tình cảm, ta thấy “cha nội” này, dù, thế nào chẳng có lúc bị rầy rà gắt véo vì lương lực không biết ngoảnh mặt vào trong hay ngoảnh mặt ra ngoài nhưng nói chung thì tương đối còn ngon lành hơn cả... vua Gia-Long lận!

Một hôm vua Gia Long (1802-1819) đã tâm sự với Michel Đức Chaigneau, vị công thần người Pháp đã góp công sức giúp vua khai quốc, thống nhất sơn hà, như sau:

- Khanh đừng tưởng rằng sau khi hoàn tất công việc hành chánh là trẫm được nghỉ ngơi trong nội cung của trẫm. Khanh sẽ không ngờ cái gì sẽ đợi trẫm ở đây. (Chỉ vào hậu cung). Ở bên ngoài trẫm rất hài lòng vì nói chuyện với những người xứng đáng. Họ lắng nghe, hiểu biết và vâng lời trẫm. Còn ở hậu cung trẫm phải đương đầu với một đàn quý cái thực sự! Chúng cãi nhau, ngược đãi nhau, phỉ báng nhau... rồi sau đó cùng chạy đi tìm trẫm để yêu cầu phân xử.

Michel Đức Chaigneau tâu:

-Việc đó rất dễ! Hoàng thượng có thể giảm bớt mối sầu khổ bằng cách hạn chế bớt số cung phi.

-Suyt! Hãy nói khế. Gia-Long gắt ngang.

Nhà vua truyền cho đám thị vệ lui ra ngoài, rồi nói tiếp:

-Ồ! Ông Đức! Nếu các quan đồng liêu của khanh nghe được điều mà khanh vừa nói ra đó, họ sẽ trở thành những kẻ thù vĩnh viễn của khanh. Khanh không biết rằng các cung phi hầu hết đều là con cái

các quan ư? Nay mặc dù số tuổi của trẫm cũng đáng kể, nhưng không bao lâu nữa một vị quan sẽ dâng hiến trẫm con gái của ông ta. Trẫm không thể từ chối được. Vì nếu làm như thế vô tình trẫm sẽ chọc tức ông ta và làm cho ông ta vô cùng đau đớn. Ở đây có con gái được tuyển vào cung là một vinh dự và sự đặc ý của một ông quan. Đó là sự bảo đảm chắc chắn nhứt về sự trung thành của ông ta. Trẫm muốn sửa đổi lại cả thế giới, nhứt là thế giới đàn bà, vì họ đều đáng ghê sợ hơn đàn ông. Nếu trẫm ghét bỏ một trong số các cung phi của trẫm, nó sẽ than phiền với thân phụ nó ngay, và nếu không xỉ nhục, to tiếng trước tuổi già của trẫm thì ông ta cũng gieo rắc giữa các quan những sự đồn đãi vụn vặt về trẫm, sẽ làm cho trẫm mang đầy những sự lố bịch trước con mắt của thần dân.

Trên đây là mẩu đối thoại trích từ cuốn “Sau Bức Cầm Thành Nhà Nguyễn” của giáo sư Hứa-Hoành do Đại-Nam xuất bản năm 1994 ở Hoa-kỳ.

Than ơi! Sau khi nghe giải thích, Michel Đức Chaigneau chắc cũng hiểu, là, lời khuyên để giảm bớt mối sầu khổ cho vua Gia-Long chẳng thể thực hiện được, mặc dù ông đã cùng khoảng 20 người Pháp theo Bá-Đa-Lộc chở súng đạn sang Gia-Định giúp Nguyễn-Vương...bấm đốt tay, từ tháng 6 năm 1789, thoát thời, cũng đã mười mấy năm trời, đã hội nhập, thu lượm bao nhiêu kinh nghiệm, nhưng đôi khi vẫn ngỡ ngàng về nền văn hóa, phong tục bản xứ.

Nguyễn-Phú-Long

(Virginia)



CHO NGƯỜI MAI SAU

1
Đừng ngạc nhiên nghe Em,
Khi Anh gửi cho Em,
Những Vần Thơ đầy hoa lá,
Những Vần Thơ đầy gió trắng,
Những Vần Thơ nồng nàn âu yếm,
Những Vần Thơ xây mộng ảo Cung Hằng,

2
Nếu không viết những Vần Thơ
khi tim hồng lên tiếng hát
Anh sẽ chết khát
như một lữ hành lạc lõng
giữa biển cát bao la.

3
Nếu không viết những Vần Thơ
trong những ngày tháng tư vỗ lên tiếng
sóng
Anh sẽ chết trong tuyệt vọng.
như những người di tản,
gửi thân cho ngọn sóng bạc đầu,
trong một đêm không sao,
và trong một Đại Dương không đáy.

4
Có những thành phố Anh qua,
những khung trời rất xa Anh tới,
như một Port of Prince – Haiti
ngày trước, ngày sau đã đổi khác mất rồi.
Em thấy chưa em ơi?

5
Chuyện xưa in dấu cuộc đời,
viết câu thương nhớ,
cho người mai sau.

VIỆT BẰNG
(California)

EM ĐI... THÁNG TƯ

Viết cho Ng. Thị Hồng- Thảo,

Em đi...nào có một mình,
Với anh và với cuộc-tình-sát-son.
Dập diu cái cái, con con,
Hành-trang hy-vọng để còn mai sau...

Nhấn-nha rồi lại bắt đầu,
Bàn tay tô-điểm cùng nhau vẽ-vời.
Núi sông, cây cỏ, đón mời,
Em vui mà chẳng quên thời long-đông.

Nơi đây những lúc thông-dong,
Anh đưa em lướt lòng-vòng thám hoa.
Khi xưa yêu dấu thiết-tha,
Bây giờ đương độ mặn-mà dấu yêu;
Khi xưa thương mến bao nhiêu!
Bây giờ thế đó! Rất nhiều mến thương...

Tháng tư...hun hút chặng đường,
Nhớ chẳng? Dâu biển,
đoạn trường dân xưa...
Trời ban vậy vậy đã vừa?
Âm-thầm em vẫn sớm trưa nguyện-cầu:
*"Thiếp xin chàng chớ bạc đầu,
Thiếp thì giữ mãi lấy mẫu trê-trung."*

Nguyễn-Phú-Long
(Richmond, VA)

LẠI MỘT THÁNG TƯ ĐEN

Thi phẩm của HOÀNG-SÔNG-LIỆM, ấn hành trong tập sách Văn Học,
Nghệ Thuật, Biên Khảo CỜ THƠM số 47-Hà 2009 tại Virginia.

Nhạc: Anh Bằng

Moderato

Lại một tháng Tư đen Ta ôm sầu viên xú Bức chân mòn lú
thủ Nỗi nhớ thươ nào quên Lại một tháng Tư đen Trái bao mùa đông
tuyết Đã phai màu mặt biển Đồi bờ xa cách nhưa Đồi bờ xa cách
nhau Lại một tháng Tư đen Lại một tháng Tư đen Quê người ta tạm
trú Bao giờ về quê cũ Như mùa chảy về tim
Lại một tháng Tư đen Mặt trời với quê mẹ Phôi hủy với xa cách
ây Đứng dài sầu mặt em Lại một tháng Tư đen Hỏi ai còn ai
quát Ta nghe lòng quên thất Sầu hoa đá trong tim Sầu hoa đá trong
tim Lại... ...tim